



NGÂN HÀNG TMCP
SÀI GÒN – HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Số: C4 /TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và một số văn bản nội bộ của
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP 31/12/2020 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ các Quy định pháp luật có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội;
- Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị (HĐQT) số 11/BBH-HĐQT và Nghị quyết HĐQT thông qua văn kiện trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2024,

Hội đồng Quản trị SHB kính trình Đại hội Đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ và một số văn bản nội bộ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội như sau:

Điều lệ hiện hành và một số Văn bản nội bộ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) đã được Đại hội đồng cổ đông các kỳ họp trước thông qua. Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2024. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 sẽ có tác động đến hoạt động quản trị, điều hành của các tổ chức tín dụng nói chung và SHB nói riêng. Xuất phát từ cơ sở nêu trên và để phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của SHB, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ SHB, Quy chế nội bộ về Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội

đồng Quản trị và Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát (*chi tiết sửa đổi, bổ sung theo các Phụ lục đính kèm*).

2. Ủy quyền và Giao cho Hội đồng Quản trị quyết định, hoàn thiện và ban hành các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ SHB, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội bao gồm cả việc bổ sung, làm rõ và chủ động sửa đổi các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều/Khoản/Điểm cho phù hợp với các quy định của pháp luật; và thực hiện báo cáo với Ngân hàng Nhà nước, các Cơ quan Nhà nước khác có liên quan.
3. Ủy quyền và Giao cho Ban Kiểm soát quyết định, hoàn thiện và ban hành các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm cả việc bổ sung, làm rõ và chủ động sửa đổi các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều/Khoản/Điểm cho phù hợp với các quy định của pháp luật; và thực hiện báo cáo với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Cơ quan Nhà nước khác có liên quan
4. Ủy quyền và Giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ có liên quan khác của SHB cho phù hợp với Điều lệ và các Quy chế nội bộ nêu trên.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Đồng cổ đông xem xét, thông qua!

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đỗ Quang Hiến

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CỦA SHB NĂM 2024¹

(Kèm theo Tờ trình số 04 / TT-HĐQT của Hội đồng Quản trị SHB ngày 29 tháng 03 năm 2024)

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
1	Khoản 13 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "13. "Cổ đông lớn" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SHB."	Khoản 13 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "13. "Cổ đông lớn" là tổ chức hoặc cá nhân <u>cổ đông</u> sở hữu <u>trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% (năm phần trăm) số vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SHB, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.</u> "	Sửa để phù hợp với quy định Khoản 8 Điều 4 Luật Các TCTD 2024.
2	Khoản 23 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "23. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 28, Điều 4, Luật các Tổ chức Tín dụng. Riêng trường hợp công bố thông tin thì Người có liên quan được xác định theo Khoản 46, Điều 4, Luật chứng khoán 2019."	Khoản 23 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "23. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 28 <u>24</u> , Điều 4, Luật các Tổ chức Tín dụng Các TCTD. Riêng trường hợp công bố thông tin thì Người có liên quan được xác định theo Khoản 46 , Điều 4, Luật chứng khoán 2019. "	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 24 Điều 4 Luật Các TCTD.
3	Khoản 24 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "24. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của SHB bao gồm các cá nhân được quy định tại Điểm a, Khoản 45, Điều 4 Luật chứng khoán 2019."	Bỏ Khoản này	Bỏ phần giải thích thuật ngữ này vì không được sử dụng tại bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ.
4	Khoản 28 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "28. "Vốn tự có" gồm giá trị thực của Vốn điều lệ của SHB và các quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước."	Khoản 28 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "28. "Vốn tự có" gồm giá trị thực của Vốn điều lệ của SHB, và các <u>công một số quỹ dự trữ, công một số tài sản nợ khác, trừ các Khoản phải giảm trừ. Việc xác định vốn tự có thực hiện</u> theo quy định của <u>Thống đốc</u> Ngân hàng Nhà nước."	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 45 Điều 4 Luật Các TCTD 2024.
5	Khoản 30 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "30. "Góp vốn, mua cổ phần" là việc SHB dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn cấu thành vốn điều lệ, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả việc cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công	Khoản 30 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "30. "Góp vốn, mua cổ phần" là việc SHB dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để <u>trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức khác</u> góp vốn cấu thành vốn điều lệ; mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả việc <u>nhận chuyển nhượng, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác; cấp vốn, góp vốn vào</u>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 16 Điều 4 Luật Các TCTD 2024.

¹ Bảng tổng hợp này bao gồm: (i) Các điều khoản được sửa đổi bổ sung mà có thay đổi về nghĩa/nội dung của điều khoản; (ii) Các điều khoản được bổ sung mới; (iii) Các điều khoản được xóa bỏ. Bảng tổng hợp này không bao gồm các điều khoản chỉ chỉnh sửa về mặt câu chữ, trình bày không thay đổi cơ bản về nghĩa, hoặc chỉ cập nhật/bổ sung footnote, hoặc chỉ cập nhật/bổ sung dẫn chiếu.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	ty liên kết của tổ chức tín dụng; góp vốn vào quỹ đầu tư, và ủy thác vốn cho các tổ chức khác góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu trên."	công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; góp vốn vào quỹ đầu tư, và ủy thác vốn cho các tổ chức khác góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu trên."	
6	Khoản 32 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "32. "Sở hữu gián tiếp" là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của SHB thông qua những người có liên quan hoặc thông qua ủy thác đầu tư."	Khoản 32 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "32. "Sở hữu gián tiếp" là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của SHB thông qua những người có liên quan hoặc <u>thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ.</u> "	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 33 Điều 4 Luật Các TCTD 2024.
7	Khoản 34 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "34. "Công ty con" của SHB là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây : a) SHB hoặc SHB và người có liên quan của SHB sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết. b) SHB có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con. c) SHB có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con. d) SHB và người có liên quan của SHB trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con."	Khoản 34 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "34. "Công ty con" của SHB là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây : a) SHB hoặc SHB và người có liên quan của SHB sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% <u>số vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó.</u> b) SHB có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên</u> Hội đồng thành viên hoặc; Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con đó. c) SHB có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con đó. d) SHB hoặc SHB và người có liên quan của SHB trực tiếp hay <u>hoặc</u> gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con đó."	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 9 Điều 4 Luật Các TCTD 2024.
8	Khoản 36 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "36. "Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp" là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho SHB ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp."	Khoản 36 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "36. "Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp" là văn bản hoặc bản điện tử <u>ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp</u> mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho <u>Doanh nghiệp SHB ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp.</u> "	Sửa lại để ghi nhận chung, thống nhất với Khoản 15 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020, phù hợp với việc sử dụng cho nhiều ngữ cảnh khác nhau.
9	Khoản 37 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "37. "Tổ chức nước ngoài" là tổ chức thành lập ở nước ngoài theo pháp luật nước ngoài."	Bỏ Khoản này	Bỏ phần giải thích thuật ngữ này vì không được sử dụng tại bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
10	Khoản 38 Điều 1 (Giải thích thuật ngữ) quy định: "38. "Tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài" là tổng tỷ lệ sở hữu vốn có quyền biểu quyết của tất cả nhà đầu tư nước ngoài tại SHB."	Bỏ Khoản này	Bỏ phần giải thích thuật ngữ này vì không được sử dụng tại bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ.
11	Khoản 3 Điều 3 (Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động) quy định: "3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động: a) SHB được tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng nhà nước cấp và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của Pháp luật. b) Các hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác của SHB thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và được Hội đồng Quản trị phê chuẩn"	Khoản 3 Điều 3 (Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động) quy định: "3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động: a) SHB được tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do <u>Thống đốc Ngân hàng nhà Nước</u> cấp và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của Pháp luật." b) Các hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác của SHB thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và được Hội đồng Quản trị phê chuẩn"	Sửa để phù hợp với thực tế hoạt động.
12	Khoản 3 Điều 4 (Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài Khoản của SHB) quy định: "3. Người đại diện theo pháp luật của SHB là một (01) người. Người đại diện theo pháp luật của SHB phải là người giữ chức vụ là Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp Luật Các Tổ chức tín dụng cho phép, người đại diện theo pháp luật của SHB là hai (02) người. Khi đó, 02 (hai) người đại diện theo pháp luật của SHB là Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị quyết định và tổ chức thực hiện thay đổi người đại diện theo pháp luật từng thời kỳ. Người đại diện theo pháp luật của SHB phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành của SHB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của SHB chưa trở lại Việt Nam và không có ủy	Khoản 3 Điều 4 (Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài Khoản của SHB) quy định: "3. Người đại diện theo pháp luật của SHB là một (01) người. Người đại diện theo pháp luật của SHB phải là người giữ chức vụ là Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp Luật Các Tổ chức tín dụng cho phép, người đại diện theo pháp luật của SHB là hai (02) người. Khi đó, 02 (hai) người đại diện theo pháp luật của SHB là Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị quyết định và tổ chức thực hiện thay đổi người đại diện theo pháp luật từng thời kỳ. Người đại diện theo pháp luật của SHB phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành của SHB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của SHB chưa trở lại Việt Nam và không có ủy	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 11 Luật Các TCTD 2024.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của SHB trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của SHB trở lại làm việc tại SHB hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SHB.</p> <p>Khi người đại diện theo pháp luật của SHB vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng Quản trị có quyền cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SHB."</p>	<p>SHB hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SHB.</p> <p>Khi người đại diện theo pháp luật của SHB vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng Quản trị có quyền cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SHB."</p>	
13	<p>Khoản 4, 5, 6 Điều 4 (Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài Khoản của SHB) quy định:</p> <p>"4. SHB phải mở tài Khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài Khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.</p> <p>5. SHB được mở tài Khoản thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác.</p> <p>6. SHB được mở tài Khoản tiền gửi, tài Khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối."</p>	<p>Khoản 4, 5, 6 Điều 4 (Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài Khoản của SHB) quy định:</p> <p>"4. 5. SHB phải mở tài Khoản tiền gửi <u>thanh toán</u> tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài Khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc <u>số tiền dự trữ bắt buộc trên tài Khoản này.</u></p> <p>5. SHB được mở tài Khoản thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác <u>được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài Khoản.</u></p> <p>6. SHB được mở tài Khoản tiền gửi, tài Khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối."</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 109 Luật Các TCTD 2024.
14	<p>Khoản 7 Điều 4 (Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài Khoản của SHB) quy định:</p> <p>"7. Các chi nhánh của SHB mở tài Khoản tiền gửi tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nơi đặt trụ sở chi nhánh đó."</p>	<p>Khoản 7 Điều 4 (Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài Khoản của SHB) quy định:</p> <p>"7. Các chi nhánh của SHB mở tài Khoản tiền gửi <u>thanh toán</u> tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước nơi đặt trụ sở chi nhánh đó."</p>	Sửa để phù hợp với cách sử dụng thuật ngữ tại Luật các Tổ chức tín dụng 2024 và Khoản 2 Điều 7 Thông tư 23/2014/TT-NHNN.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
15	Khoản 1 Điều 5 (Các hình thức huy động vốn) quy định: "1. Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các hình thức nhận tiền gửi khác."	Khoản 1 Điều 5 (Các hình thức huy động vốn) quy định: "1. Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các hình thức nhận tiền gửi khác."	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 27 Điều 4 Luật Các TCTD 2024.
16	Khoản 2 Điều 5 (Các hình thức huy động vốn) quy định: "2. SHB được phát hành chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu, kỳ phiếu và trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Điều lệ này, Luật Các TCTD, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước."	Khoản 2 Điều 5 (Các hình thức huy động vốn) quy định: "2. SHB được phát hành chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu, kỳ phiếu và trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Điều lệ này, Luật các TCTD, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật."	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 107 và Điều b Khoản 2 Điều 114 Luật Các TCTD.
17	Khoản 3 Điều 5 (Các hình thức huy động vốn) quy định: "3. Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài."	Khoản 3 Điều 5 (Các hình thức huy động vốn) quy định: "3. Vay, nhận tiền gửi với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật." 3. Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài"	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 3, 4 Điều 108 Luật Các TCTD 2024.
18	Điều 6 (Các hình thức cấp tín dụng) quy định: "SHB cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: 1. Cho vay. 2. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác. 3. Bảo lãnh ngân hàng. 4. Phát hành thẻ tín dụng. 5. Bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế. 6. Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay."	Điều 6 (Các hình thức cấp tín dụng) quy định: "SHB cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: 1. Cho vay. 2. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác. 3. Bảo lãnh ngân hàng. 4. Phát hành thẻ tín dụng. 5. Bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế. 6. Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay." 6. Thư tín dụng. 7. Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận"	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 107 Luật Các TCTD 2024. Riêng với hoạt động "Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay": Bỏ vì hoạt động này không nằm trong các hình thức cấp tín dụng được liệt kê cụ thể tại Khoản 4 Điều 4 và Khoản 3 Điều 107 Luật Các TCTD 2024. Mặt khác, tại Khoản 7 Điều 6 Điều lệ này đã ghi nhận các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đồng thời đã bổ sung

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	7. Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước hoặc sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận"		tương ứng tại Điều 12 (sau khi sửa là Điều 11) Điều lệ này.
19	<p>Khoản 1 Điều 7 (Xét duyệt cho vay, kiểm tra sử dụng tiền vay, chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn giảm lãi suất) quy định:</p> <p>"1. SHB xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay như sau:</p> <p>a) SHB phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay (đối với những Khoản vay có TSBD theo quy định của NHNN và pháp luật) trước khi quyết định cấp tín dụng.</p> <p>b) SHB phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa các khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.</p> <p>c) SHB có quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.</p> <p>d) SHB có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.</p> "	<p>Khoản 1 Điều 7 (Xét duyệt cho vay, kiểm tra sử dụng tiền <u>vốn</u> vay, chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn giảm lãi suất) quy định:</p> <p>"1. SHB xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền <u>vốn</u> vay như sau:</p> <p>a) SHB phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, <u>dữ liệu</u> chứng minh <u>khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay (đối với những Khoản vay có TSBD theo quy định của NHNN và pháp luật)</u> trước khi quyết định cấp tín dụng, <u>trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này.</u></p> <p>b) SHB phải có tối thiểu thông tin về <u>mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính của khách hàng trước khi quyết định cấp tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng có mức giá trị nhỏ sau đây: Khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, khoản cấp tín dụng qua thẻ của SHB.</u></p> <p>b) c) SHB phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa các khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.</p> <p>e) d) SHB có quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát <u>việc</u> sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.</p> <p>d) e) SHB có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và <u>cung cấp tài liệu, dữ liệu</u> chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.</p> "	<p>1. Sửa Điểm a Khoản 1 để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 102 Luật Các TCTD 2024.</p> <p>2. Bổ sung Điểm b Khoản 1 để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 102 Luật Các TCTD 2024.</p> <p>3. Sửa Điểm d, e Khoản 1 để phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 102 Luật Các TCTD 2024.</p>
20	<p>Khoản 2 Điều 7 (Xét duyệt cho vay, kiểm tra sử dụng tiền vay, chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn giảm lãi suất) quy định:</p> <p>Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất:</p> <p>a) SHB có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.</p> <p>b) Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì SHB có</p>	<p>Khoản 2 Điều 7 (Xét duyệt cho vay, kiểm tra sử dụng tiền <u>vốn</u> vay, chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn giảm lãi suất) quy định:</p> <p>2. Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất:</p> <p>a) SHB có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng <u>nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm.</u></p> <p>b) Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu <u>Trường hợp</u> các bên không có thỏa thuận khác thì SHB có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng, <u>thỏa thuận</u> cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ <u>của SHB</u> được thực hiện theo</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>c) Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của SHB được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>d) SHB có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của SHB phù hợp với quy định của pháp luật."</p>	<p>quy định của <u>Thống đốc</u> Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>c) Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người <u>bên</u> bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của SHB được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>d) SHB có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của SHB phù hợp với quy định của pháp luật."</p>	
21	<p>Điều 9 (Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác) quy định:</p> <p>"1. SHB được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá theo quy định pháp luật hiện hành. Chủ sở hữu các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác phải chuyển giao ngay mọi quyền, lợi ích hợp pháp phát sinh từ các giấy tờ đó cho SHB.</p> <p>2. SHB được cấp tín dụng dưới hình thức cầm cố công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá theo quy định pháp luật hiện hành. SHB được thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp phát sinh trong trường hợp chủ sở hữu các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá đó không thực hiện đầy đủ những cam kết trong hợp đồng tín dụng.</p> <p>3. SHB được tái chiết khấu, cầm cố công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá đối với các tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>4. SHB có thể được Ngân hàng Nhà nước tái chiết khấu và cho vay trên cơ sở cầm cố công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá đã được chiết khấu theo quy định pháp luật hiện hành.</p> "	<p>Điều 9 (Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác) quy định:</p> <p>"1. SHB được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá, tái chiết khấu theo quy định pháp luật hiện hành. Chủ sở hữu các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác phải chuyển giao ngay mọi quyền, lợi ích hợp pháp phát sinh từ các giấy tờ đó cho SHB.</p> <p>2. SHB được cấp tín dụng dưới hình thức cầm cố công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá theo quy định pháp luật hiện hành. SHB được thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp phát sinh trong trường hợp chủ sở hữu các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá đó không thực hiện đầy đủ những cam kết trong hợp đồng tín dụng.</p> <p>3. SHB được tái chiết khấu, cầm cố công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá đối với các tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>4. SHB có thể được Ngân hàng Nhà nước tái chiết khấu và cho vay trên cơ sở cầm cố công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá đã được chiết khấu theo quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Nội dung điều khoản này ghi nhận gần như nguyên văn từ Điều 57 Luật Các TCTD 1997 (điều này cũng đã được sửa đổi bởi Khoản 15 Điều 1 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi 2004 có hiệu lực từ ngày 01/10/2004).</p> <p>Từ Luật Các TCTD năm 2010 đã bỏ hoàn toàn điều khoản này, thay vào đó, chỉ có quy định giải thích thuật ngữ cũng như quy định mang tính nguyên tắc để xác định hoạt động chiết khấu, tái chiết khấu là một trong những hoạt động cấp tín dụng của NHTM. Ngoài ra, việc thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn dưới Luật.</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
			Do đó, đề xuất sửa toàn bộ điều khoản này theo hướng ghi nhận chung <u>việc thực hiện hoạt động chiết khấu, tái chiết khấu sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.</u>
22	Điều 10 (Công ty cho thuê tài chính, bảo hiểm) quy định: "SHB phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết theo qui định của pháp luật khi thực hiện các hoạt động kinh doanh cho thuê tài chính, bảo hiểm."	Bỏ Điều này	Bỏ Điều này vì đã có nội dung tương tự ghi nhận tại Điểm a Khoản 1 Điều 12 (sau khi sửa đổi là Điều 11) Điều lệ này.
23	Điều 11 (Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ): "SHB thực hiện các dịch vụ thanh toán như sau: 1. Mở tài Khoản thanh toán cho khách hàng. 2. Cung ứng các phương tiện thanh toán. 3. SHB cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng dịch vụ thu hộ và chi hộ. b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. 4. SHB được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán ngân hàng liên quốc gia và được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng nhà nước chấp thuận."	Điều 11 10 (Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ): "SHB thực hiện các dịch vụ thanh toán như sau: 1. Mở tài Khoản thanh toán cho khách hàng. 2. Cung ứng các phương tiện thanh toán. 3. SHB cung ứng các dịch vụ thanh toán <u>qua tài Khoản</u> sau đây: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng <u>chuyển tiền</u> , thẻ ngân hàng dịch vụ thu hộ và chi hộ. b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận <u>bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</u> 4. SHB được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán ngân hàng liên ngân hàng quốc gia, và <u>SHB</u> được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng nhà nước chấp thuận <u>khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</u> "	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều 107; Khoản 1, 2 Điều 110 Luật Các TCTD 2024.
24	Khoản 1 Điều 12 (Các hoạt động khác) quy định: "1. Sử dụng Vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các tổ chức tín dụng khác như sau: a) SHB phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để <u>thực hiện hoạt động kinh doanh</u> sau đây:	Khoản 1 Điều 12 11 (Các hoạt động khác) quy định: "1. Sử dụng Vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các tổ chức tín dụng khác như sau: a) SHB phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để <u>khí</u> thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 111 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>a) SHB phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; - Cho thuê tài chính; - Bảo hiểm. <p>b) SHB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p> <p>c) SHB được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng và các lĩnh vực khác không quy định tại Điểm này.</p> <p>d) Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Điểm a và b Khoản này và việc góp vốn, mua cổ phần của SHB cho các lĩnh vực khác quy định tại Điểm c Khoản này phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>e) SHB, công ty con của SHB được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước."</p>	<p>- Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;</p> <p>- Cho thuê tài chính;</p> <p>- Bảo hiểm.</p> <p>b) SHB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp hoạt động trên <u>trong</u> lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p> <p>c) SHB được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp hoạt động <u>trên</u> trong các lĩnh vực: (i) <u>Bảo</u> hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng và các; (ii) <u>Lĩnh</u> khác không quy định tại <u>tiết (i) Điểm này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</u></p> <p>d) Việc SHB thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Điểm a và b Khoản này và việc góp vốn, mua cổ phần của SHB cho các lĩnh vực khác quy định tại Điểm c Khoản này phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p><u>e) SHB thành lập công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật Các TCTD và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u></p> <p><u>e) f) SHB, công ty con của SHB được mua, nắm giữ cổ phiếu phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước."</u></p>	
25	<p>Khoản 2 Điều 12 (Các hoạt động khác) quy định:</p> <p>"2. SHB được tham gia đầu thầu tín phiếu Kho bạc, mua bán các công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ,</p>	Bỏ Khoản này	Bỏ Khoản này vì nội dung này ghi nhận trên cơ sở Điều 104 Luật Các TCTD 2010, tuy nhiên, Luật Các TCTD 2024

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<i>tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ."</i>		không ghi nhận thành điều khoản riêng cho các hoạt động này, mà chuyển sang quy định tại Điều 108 và Điều 114. Các nội dung tương ứng cũng đã được cập nhật tại các Điều khác của Điều lệ này.
26	Khoản 3 Điều 12 (Các hoạt động khác) quy định: "3. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, SHB được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây: a) Ngoại hối. b) Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác."	Khoản 3 Điều 12 <u>Khoản 2 Điều 11</u> (Các hoạt động khác) quy định: "2. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, SHB được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản: a) Ngoại hối. b) Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác."	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 112 Luật Các TCTD 2024.
27	Khoản 4 Điều 12 (Các hoạt động khác) quy định: "4. SHB được quyền uỷ thác, nhận uỷ thác, đại lý trong một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước."	Khoản 4 Điều 12 <u>Khoản 3 Điều 11</u> (Các hoạt động khác) quy định: "3. SHB được quyền uỷ thác, nhận uỷ thác, đại lý trong một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. SHB được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước."	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 113 Luật Các TCTD 2024.
28	Khoản 5 Điều 12 (Các hoạt động khác) quy định: "5. SHB được trực tiếp thực hiện các hoạt động sau đây: a) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn. b) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. c) Mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp."	Khoản 5 Điều 12 <u>Khoản 4 Điều 11</u> (Các hoạt động khác) quy định: "5. SHB được trực tiếp thực hiện các hoạt động sau đây: a) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn. b) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. c) Mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. d) Dịch vụ môi giới tiền tệ."	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 114 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>d) Dịch vụ môi giới tiền tệ.</p> <p>e) Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng, mua nợ, đại lý bảo hiểm và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.”</p>	<p>e) Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng, mua nợ, đại lý bảo hiểm và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.”</p> <p><u>“4. Các hoạt động kinh doanh khác của SHB:</u></p> <p><u>a) SHB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:</u></p> <p><u>(i) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;</u></p> <p><u>(ii) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài Khoản;</u></p> <p><u>(iii) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại tiết (i) Điểm b Khoản này;</u></p> <p><u>(iv) Dịch vụ môi giới tiền tệ;</u></p> <p><u>(v) Kinh doanh vàng;</u></p> <p><u>(vi) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;</u></p> <p><u>(vii) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.</u></p> <p><u>b) SHB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:</u></p> <p><u>(i) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</u></p> <p><u>(ii) Phát hành trái phiếu;</u></p> <p><u>(iii) Lưu ký chứng khoán;</u></p> <p><u>(iv) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;</u></p> <p><u>(v) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</u></p> <p><u>c) SHB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định khác của pháp luật có liên quan.”</u></p>	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
29	<p>Điều 13 (Hoạt động kinh doanh bất động sản) quy định:</p> <p>"SHB không được kinh doanh bất động sản, trừ trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của SHB. 2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của SHB. 3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn không quá 03 năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, SHB phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm thực hiện đúng tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định theo quy định của pháp luật." 	<p>Điều 13 <u>12</u> (Hoạt động kinh doanh bất động sản) quy định:</p> <p>"SHB không được kinh doanh bất động sản, trừ <u>các</u> trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của SHB. 2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của SHB <u>chưa sử dụng hết</u>. 3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn không quá 03 năm <u>05 năm</u> kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, SHB phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm thực hiện đúng tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định theo quy định của pháp luật. <u>Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại Khoản 1 Điều này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định theo quy định tại Khoản 3 Điều 75 của Điều lệ này.</u>" 	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 139 Luật Các TCTD 2024.
30	<p>Điều 14 (Hoạt động ngân hàng điện tử) quy định:</p> <p>"SHB được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. SHB phải bảo đảm an toàn và bảo mật trong hoạt động ngân hàng điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>Điều 14 <u>13</u> (Hoạt động ngân hàng điện tử) (Giao dịch điện tử trong hoạt động của SHB) quy định:</p> <p>"SHB được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các <u>bằng</u> phương tiện điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. SHB phải bảo đảm an toàn và bảo mật trong hoạt động ngân hàng điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước <u>bảo đảm an toàn và bảo mật giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u></p>	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 105, 140 Luật Các TCTD 2024.
31	<p>Khoản 1, 2, 3 Điều 16 (Vốn điều lệ) quy định:</p> <p>"1. Vốn Điều lệ của SHB là 30.673.831.960.000 đồng</p> <p>2. Tổng số vốn Điều lệ của SHB được chia thành 3.067.383.196 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng trên một cổ phần).</p> <p>3. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND). Vốn điều lệ của SHB có thể thay đổi từng thời kỳ,</p>	<p>Khoản 1, 2, 3 Điều 16 <u>15</u> (Vốn điều lệ) quy định:</p> <p>"1. Vốn Điều <u>điều</u> lệ của SHB là <u>36.193.981.130.000</u> 30.673.831.960.000 đồng</p> <p>2. Tổng số vốn <u>Vốn</u> Điều <u>điều</u> lệ của SHB được chia thành <u>36.193.981.130</u>30.673.831.960 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng trên một cổ phần).</p> <p>3. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND). Vốn điều lệ của SHB có thể thay đổi từng thời kỳ, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước, của pháp luật về việc thay đổi vốn điều lệ. <u>Khoản 1 và Khoản</u></p>	Sửa để cập nhật vốn điều lệ, phù hợp với thực tế hoạt động của SHB.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi/bổ sung
	theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước, của pháp luật về việc thay đổi vốn điều lệ. Số vốn điều lệ mới sau khi được đăng ký theo quy định của Pháp luật được xem là sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và Khoản 2 Điều này."	<u>2 Điều này được xem là được sửa đổi, bổ sung tương ứng và có hiệu lực kể từ ngày SHB được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc sửa đổi nội dung về Vốn điều lệ. Số vốn điều lệ mới sau khi được đăng ký theo quy định của Pháp luật được xem là sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và Khoản 2 Điều này. "</u>	
32	Khoản 3 Điều 17 (Thay đổi Vốn điều lệ) quy định: "3. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, SHB phải: a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của SHB phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận. b) Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thay đổi quy định tại Điểm a Khoản này. c) Công bố nội dung thay đổi trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thay đổi trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo điện tử hoặc báo viết hằng ngày của Việt Nam trong 03 số liên tiếp."	Khoản 3 Điều 17 <u>16</u> (Thay đổi Vốn điều lệ) quy định: "3. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, SHB phải: a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của SHB phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận. b) Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thay đổi quy định tại Điểm a Khoản này. e) b) Công bố nội dung thay đổi trong vòng <u>thời hạn</u> 07 ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thay đổi trên <u>01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo điện tử hoặc báo viết hằng ngày của Việt Nam trong 03 số liên tiếp.</u> "	1. Bỏ Điểm b vì nội dung này ghi nhận trên cơ sở quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 29 Luật Các TCTD 2010. Tuy nhiên, Khoản 4 Điều 37 Luật Các TCTD 2024 đã bỏ toàn bộ nội dung này. 2. Sửa Điểm c để phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 37 Luật Các TCTD 2024.
33	Khoản 4 Điều 17 (Thay đổi Vốn điều lệ) quy định: "4. Hội đồng Quản trị SHB phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ SHB."	Bỏ Khoản này.	Bỏ Khoản này do nội dung này được ghi nhận, tham khảo theo Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Quyết định 383/2002/QĐ-NHNN. Quyết định này <u>đã hết hiệu lực từ ngày 25/4/2010</u> . Nội dung điều khoản cũng không còn phù hợp, đồng bộ với quy định pháp luật hiện hành.
34	Điểm 4.1 Khoản 4 Điều 19 (Cổ phần, cổ đông) quy định: "4. Giới hạn sở hữu cổ phần của SHB được quy định như sau:	Điểm 4.1 Khoản 4 Điều 19 <u>18</u> (Cổ phần, cổ đông) quy định: "4. Giới hạn sở hữu cổ phần của SHB được quy định như sau:	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 63 Luật Các TCTD 2024. <u>Ghi chú:</u>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>4.1 Đối với Nhà đầu tư trong nước:</p> <p>a) Một cổ đông cá nhân chỉ được sở hữu tối đa 5% Vốn Điều lệ SHB;</p> <p>b) Một cổ đông là Tổ chức chỉ được sở hữu tối đa 15% Vốn Điều lệ SHB trừ các trường hợp theo quy định của pháp luật từng thời kỳ;</p> <p>c) Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% Vốn Điều lệ của SHB;</p> <p>d) Cổ đông lớn của SHB và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một TCTD khác;</p> <p>e) Việc sở hữu cổ phần vượt quá các giới hạn trên được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp luật."</p>	<p>4.1 Đối với Nhà đầu tư trong nước:</p> <p>a) Một cổ đông <u>là</u> cá nhân chỉ được sở hữu tối đa 5% Vốn Điều <u>điều</u> lệ SHB;</p> <p>b) Một cổ đông là <u>tổ chức</u> chỉ được sở hữu tối đa 15 <u>10</u>% Vốn Điều <u>điều</u> lệ SHB trừ các trường hợp theo quy định của pháp luật từng thời kỳ;</p> <p>c) Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20 <u>15</u>% Vốn Điều <u>điều</u> lệ của SHB;</p> <p>d) Cổ đông lớn của SHB và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một TCTD khác;</p> <p>e) Việc sở hữu cổ phần vượt quá các giới hạn trên được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp luật."</p>	<p>Liên quan đến nội dung này, Luật Các TCTD 2024 đã có quy định chuyển tiếp tại Khoản 11 Điều 210 như sau: "<u>11. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, cổ đông, cổ đông và người có liên quan vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 của Luật này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của Luật này, trừ trường hợp nhân cổ tức bằng cổ phiếu.</u>"</p> <p>Để làm rõ, nội dung quy định chuyển tiếp đã được ghi nhận tương ứng, cụ thể tại Khoản 3 Điều 89 Điều lệ này.</p>
35	<p>Điều 4.3 Khoản 4 Điều 19 (Cổ phần, cổ đông) quy định:</p> <p>"4.3 Tỷ lệ sở hữu quy định tại Điều 4.1 và 4.2 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần;"</p>	<p>Điều 4.3 Khoản 4 Điều 19 18 (Cổ phần, cổ đông) quy định:</p> <p>"4.3 Tỷ lệ sở hữu <u>cổ phần</u> quy định tại Điều 4.1(a) và Điều 4.1(b) <u>Khoản này và 4.2 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần; số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 4.1 (c) và Điều 4.1 (d) Khoản này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại Điều a Khoản 33 Điều 1 của Điều lệ này. phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.</u>"</p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 63 Luật Các TCTD 2024.</p>
36	<p>Điều a Khoản 4 Điều 21 (Mua lại cổ phần) quy định:</p> <p>"4. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</p> <p>a) SHB chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà</p>	<p>Điều a Khoản 4 Điều 21 <u>20</u> (Mua lại cổ phần) quy định:</p> <p>"4. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</p> <p>a) SHB chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại <u>Khoản 2, 3 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại SHB vẫn bảo đảm thanh toán đủ các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác mà vẫn đảm bảo các tỷ</u></p>	<p>Sửa Khoản 4 Điều này theo hướng chỉ quy định về điều kiện thanh toán (theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2020). Riêng đối với phần nội dung về <u>điều kiện mua lại</u> đã được quy định tại</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	vấn đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động Ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định."	lệ an toàn trong hoạt động Ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định."	Điểm a Khoản 5 Điều 21 (sau khi sửa là Điều 20) Điều lệ này.
37	<p>Điểm b,c,d Khoản 4 Điều 21 (Mua lại cổ phần) quy định:</p> <p>"b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được coi là cổ phần chưa bán. Trường hợp việc mua lại làm giảm vốn điều lệ, SHB phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản và phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được SHB mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p> <p>c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Ngân hàng.</p> <p>d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại."</p>	<p>Điểm b,c,d Khoản 4 Điều 21 20 (Mua lại cổ phần) quy định:</p> <p>"b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được coi là cổ phần chưa bán. Trường hợp việc mua lại làm giảm vốn điều lệ, SHB phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản và phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được SHB mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p> <p>c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Ngân hàng.</p> <p>d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại."</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 37 và Điều 65 Luật Các TCTD 2024.
38	<p>Khoản 5 Điều 21 (Mua lại cổ phần) quy định:</p> <p>5. Điều kiện mua lại cổ phần làm giảm Vốn Điều lệ:</p> <p>a) Việc SHB mua lại cổ phần của chính mình phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm vốn Điều lệ của SHB;</p> <p>b) Đảm bảo các quy định tại Khoản 4 Điều này;</p>	<p>Khoản 5 Điều 21 20 (Mua lại cổ phần) quy định:</p> <p>5. Điều kiện mua lại cổ phần làm giảm Vốn Điều lệ:</p> <p>a) Việc SHB mua lại cổ phần của chính mình phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm vốn Điều lệ của SHB <u>SHB chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của SHB.</u></p>	Sửa để phù hợp với quy định Điều 65 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	c) Đảm bảo các quy định tại Điều 36 Luật chứng khoán 2019 và/hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung này từng thời kỳ;"	b) Đảm bảo các quy định tại Khoản 4 Điều này; c) Đảm bảo các quy định tại Điều 36 Luật <u>Chứng khoán 2019</u> và/hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung này từng thời kỳ;"	
39	Không quy định	<u>Khoản 6 Điều 20 (Mua lại cổ phần) quy định:</u> <u>"6. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận giảm Vốn điều lệ trong trường hợp nêu tại Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật."</u>	Bổ sung quy định để đảm bảo tính bao quát.
40	Khoản 5 Điều 23 (Chuyển nhượng Cổ phần) quy định: "5. Cổ đông cá nhân, cổ đông pháp nhân có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc SHB không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ."	Khoản 5 Điều 23 22 (Chuyển nhượng Cổ phần) quy định: "5. Cổ đông cá nhân, cổ đông pháp nhân có người đại diện <u>phần vốn góp tại SHB</u> là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc SHB không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ."	Sửa để phù hợp với Khoản 1 Điều 64 Luật Các TCTD 2024.
41	Khoản 6 Điều 23 (Chuyển nhượng Cổ phần) quy định: "6. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp khi các thành viên này: a) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, mua lại, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật. b) Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án. c) Chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt."	Khoản 6 Điều 23 22 (Chuyển nhượng Cổ phần) quy định: "6. Trong thời gian đang xử lý hậu quả <u>do trách nhiệm cá nhân</u> theo nghị quyết, <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước <u>do trách nhiệm cá nhân</u> , các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp khi các thành viên này: a) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, mua lại, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật. b) Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo <u>bản án</u> , quyết định của Tòa án <u>đã có hiệu lực pháp luật</u> . c) Chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt <u>phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt</u> ."	Sửa để phù hợp với Khoản 2 Điều 64 Luật Các TCTD 2024.
42	Khoản 7 Điều 23 (Chuyển nhượng Cổ phần) quy định:	Khoản 7 Điều 23 22 (Chuyển nhượng Cổ phần) quy định: "7. Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết, <u>đăng ký giao dịch của</u> Ngân hàng được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán."	Sửa để phù hợp với Khoản 3 Điều 64 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	"7. Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết Ngân hàng được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán."		
43	Khoản 3 Điều 24 (Cổ phiếu) quy định "3. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, SHB phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua đối với SHB hoặc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần theo quy định của SHB. Người sở hữu cổ phần không phải trả chi phí in cổ phiếu cho SHB trừ trường hợp in, cấp lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông."	Khoản 3 Điều 24 <u>23</u> (Cổ phiếu) quy định "3. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, SHB phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ số tiền cam kết mua <u>cổ phần</u> số cổ phần cam kết mua đối với SHB hoặc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần theo quy định của SHB. Người sở hữu cổ phần không phải trả chi phí in cổ phiếu cho SHB trừ trường hợp in, cấp lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông."	Sửa để phù hợp với Điều 66 Luật Các TCTD 2024.
44	Khoản 4 Điều 24 (Cổ phiếu) quy định "4. SHB không cho vay trên cơ sở cầm cố bằng cổ phiếu của chính SHB."	Khoản 4 Điều 24 <u>23</u> (Cổ phiếu) quy định "4. SHB không cho vay <u>được cấp tín dụng trên cơ sở cầm cố nhân bảo đảm</u> bằng cổ phiếu của chính SHB."	Sửa để phù hợp với Khoản 5 Điều 134 Luật Các TCTD 2024.
45	Khoản 3 Điều 27 (Cơ cấu tổ chức quản lý) quy định: "3. Trụ sở chính bao gồm: a) Hội đồng Quản trị. b) Ban Kiểm soát. c) Tổng Giám đốc. d) Hệ thống Kiểm toán."	Khoản 3 Điều 27 <u>26</u> (Cơ cấu tổ chức quản lý) quy định: "3. Trụ sở chính bao gồm: a) Hội đồng Quản trị. b) Ban Kiểm soát. c) Tổng Giám đốc. d) Hệ thống Kiểm toán. "	Sửa vì Khoản 3 Điều 58 (sau khi sửa là Điều 57) Điều lệ đã quy định "Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình".
46	Khoản 5 Điều 27 (Cơ cấu tổ chức quản lý) quy định: "5. Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc a) Các Phó Tổng Giám đốc. b) Giám đốc các Khối. c) Kế toán trưởng. d) Các Phòng, Ban, Trung tâm nghiệp vụ."	Khoản 5 Điều 27 <u>26</u> (Cơ cấu tổ chức quản lý) quy định: "5. Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc <u>theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này.</u> a) Các Phó Tổng Giám đốc. b) Giám đốc các Khối. c) Kế toán trưởng. d) Các Phòng, Ban, Trung tâm nghiệp vụ."	Sửa theo hướng dẫn chiếu do Điều 56 (sau khi sửa là Điều 55) Điều lệ này đã có quy định nội dung tương ứng.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
47	<p>Khoản 1 Điều 29 (Quyền của cổ đông) quy định:</p> <p>"1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p> <p>b) Được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong SHB.</p> <p>d) Được chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của SHB hoặc cá nhân, tổ chức khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.</p> <p>f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ SHB, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>g) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần nắm giữ tại SHB khi SHB giải thể hoặc phá sản.</p> <p>h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.</p> <p>i) Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định tại Điều lệ này.</p> <p>j) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật."</p>	<p>Khoản 1 Điều 29 28 (Quyền của cổ đông) quy định:</p> <p>"1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được <u>theo</u> ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p> <p>b) Được nhận <u>Nhân</u> cổ tức theo quyết định <u>ngợi quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong SHB.</p> <p>d) Được chuyển <u>Chuyển</u> nhượng cổ phần, <u>quyền mua cổ phần</u> cho cổ đông khác của SHB hoặc cá nhân, tổ chức khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <u>về tên và địa chỉ liên lạc</u> trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và <u>yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình</u>.</p> <p>f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ SHB, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và e nghị quyết, <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>g) Được nhận <u>chia</u> một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu <u>số</u> cổ phần nắm giữ <u>sở hữu</u> tại SHB khi SHB giải thể hoặc phá sản.</p> <p>h) Được <u>ủy</u> Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện e quyền và nghĩa vụ của mình; người được <u>ủy</u> quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.</p> <p>i) Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới <u>đến</u> Hội đồng quản trị theo thời hạn <u>quy định tại Điều lệ này do Hội đồng quản trị quy định</u>.</p> <p>j) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật."</p>	Sửa để phù hợp với Điều 61 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
48	<p>Khoản 3 Điều 29 (Quyền của cổ đông) quy định:</p> <p><i>“3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:</i></p> <p><i>a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của SHB.</i></p> <p><i>b) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</i></p> <p><i>c) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật.”</i></p>	<p>Khoản 3 Điều 29 <u>28</u> (Quyền của cổ đông) quy định:</p> <p><i>“3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:</i></p> <p><i>a) Đề cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 5, Điều 44 43 và Khoản 6, Điều 58 57 của Điều lệ này.</i></p> <p><i>a) b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của SHB.</i></p> <p><i>b) c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</i></p> <p><i>e) d) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật.”</i></p>	<p>Bổ sung Điểm a Khoản 3 Điều này để phù hợp với quy định tại Khoản 10, Điều 61 Luật Các TCTD 2024.</p>
49	<p>Khoản 4 Điều 29 (Quyền của cổ đông) quy định:</p> <p><i>“4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau :</i></p> <p><i>a) Đề cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 5, Điều 44 và Khoản 6, Điều 58 của Điều lệ này.</i></p> <p><i>b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải đảm bảo đầy đủ các nội dung: (i) Lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số</i></p>	<p>Khoản 4 Điều 29 <u>28</u> (Quyền của cổ đông) quy định:</p> <p><i>“4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ <u>sở hữu</u> trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau :</i></p> <p><i>a) Đề cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 5, Điều 44 và Khoản 6, Điều 58 của Điều lệ này.</i></p> <p><i>b) a) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải đảm bảo đầy đủ các nội dung: (i) Lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số</i></p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 67 Luật Các TCTD 2024</p> <p><u>Ghi chú:</u> Đối với việc bỏ Điểm a Khoản này: do đã quy định <u>cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên có quyền đề cử</u> tại Khoản 3 Điều 28 trên đây. Vì vậy, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% mặc nhiên</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi/bổ sung
	<p>đầy đủ các nội dung: (i) <u>Lập</u> bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; (ii) Số cổ phần và thời Điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; (iii) Căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật khác có liên quan."</p>	<p>quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; (ii) Số cổ phần và thời Điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; (iii) Căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>e) b) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>đ) c) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật khác có liên quan."</p>	<p>sẽ có quyền này và không cần thiết phải quy định lại. Ngoài ra, quyền ứng cử, đề cử của cổ đông, nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 5% trở lên</u> cũng đã được cập nhật tương ứng tại Khoản 5 Điều 44 (sau khi sửa là Điều 43) và Khoản 6 Điều 58 (sau khi sửa là Điều 57) của Điều lệ này.</p>
50	<p>Khoản 1 Điều 30 (Nghĩa vụ của cổ đông) quy định:</p> <p>"1. Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tuân thủ Điều lệ này và các Quy định nội bộ của SHB.</p> <p>b) Thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do SHB quy định; chịu trách nhiệm về các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của SHB trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào SHB.</p> <p>c) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi SHB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của SHB.</p> <p>d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại SHB; không sử dụng nguồn vốn do SHB, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của SHB; không được góp vốn, mua cổ phần của SHB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Khoản 1 Điều 30 <u>29</u> (Nghĩa vụ của cổ đông) quy định:</p> <p>"1. Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tuân thủ Điều lệ này và các Quy định nội bộ của SHB.</p> <p>b) a) Thanh toán đủ <u>số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua</u> trong thời hạn do SHB quy định; chịu trách nhiệm về các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của SHB trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào SHB.</p> <p>c) b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi SHB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của SHB.</p> <p>đ) c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại SHB; không sử dụng nguồn vốn do <u>SHB tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp</u> để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của SHB; không được góp vốn, mua cổ phần của SHB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.</p> <p>e) d) Bảo mật các thông tin được SHB cung cấp; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác .</p>	<p>Sửa để phù hợp với Khoản 1 Điều 62 Luật Các TCTD 2024.</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
	<p>e) Bảo mật các thông tin được SHB cung cấp; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>f) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của SHB.</p> <p>g) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>h) Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh SHB dưới mọi hình thức để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác."</p>	<p>f) e) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý quy định nội bộ của SHB.</p> <p>g) f) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>h) g) Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh SHB dưới mọi hình thức để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p><u>h) Bảo mật thông tin được SHB cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được SHB cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác."</u></p>	
51	<p>Khoản 2 Điều 30 (Nghĩa vụ của cổ đông) quy định:</p> <p>"2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong SHB. SHB có quyền đình chỉ các quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần."</p>	<p>Khoản 2 Điều 30 <u>29</u> (Nghĩa vụ của cổ đông) quy định:</p> <p>"2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong SHB. SHB có quyền đình chỉ các quyền cổ đông của các cổ đông này <u>nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp phát hiện họ</u> cổ đông này không cung cấp thông tin <u>hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác</u> xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần."</p>	Sửa để phù hợp với Khoản 2 Điều 62 Luật Các TCTD 2024.
52	<p>Điểm b Khoản 1 Điều 32 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p>"b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của SHB."</p>	<p>Điểm b Khoản 1 Điều <u>31</u> 32 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p>b) <u>Thông qua Điều lệ, sửa</u> Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của SHB.</p>	Sửa để phù hợp với Điểm b Khoản 3 điều 67 Luật Các TCTD 2024.
53	<p>Điểm c Khoản 1 Điều 32 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p>"c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát."</p>	<p>Điểm c Khoản 1 Điều <u>31</u> 32 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p>c) <u>Thông qua</u> Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p>	Sửa để phù hợp với Điểm b Khoản 3 điều 67 Luật Các TCTD 2024.
54	<p>Điểm g Khoản 1 Điều 32 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p>	<p>Điểm g Khoản 1 Điều <u>31</u> 32 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p>g) <u>Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của SHB;</u></p>	Sửa để phù hợp với Điểm g Khoản 3 điều 67 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	"g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của SHB; "		
55	Điểm i Khoản 1 Điều 32 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định: "i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán; "	Điểm i Khoản 1 Điều <u>31 32</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định: i) Thông qua việc <u>phương án</u> mua lại cổ phần đã bán;	Sửa để phù hợp với Điểm i Khoản 3 điều 67 Luật Các TCTD 2024.
56	Không quy định	Điểm k Khoản 1 Điều <u>31 32</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định: <u>k) Thông qua phương án quy định tại Điều 143 Luật Các TCTD;</u>	Bổ sung để phù hợp với Điểm l Khoản 3 Điều 67 Luật Các TCTD 2024.
57	Điểm m Khoản 1 Điều 32 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định: "m) Quyết định thành lập công ty con; "	Điểm m <u>n</u> Khoản 1 Điều <u>31 32</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định: <u>m) n) Quyết định thành lập công ty con hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của SHB;</u>	Sửa để phù hợp với Điểm o Khoản 3 Điều 67 Luật Các TCTD 2024.
58	Điểm n Khoản 1 Điều 32 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định: "n) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; "	Điểm <u>n o</u> Khoản 1 Điều <u>31 32</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định: <u>n) o) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của SHB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</u>	Sửa để phù hợp với Điểm p Khoản 3 Điều 67 Luật Các TCTD 2024.
59	Điểm o Khoản 1 Điều 32 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định: "o) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của SHB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; "	Điểm <u>o p</u> Khoản 1 Điều <u>31 32</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định: <u>o) p) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SHB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</u>	Sửa để phù hợp với Điểm q Khoản 3 Điều 67 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
60	<p>Điểm p Khoản 1 Điều 32 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>"p) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SHB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của tổ chức tín dụng; công ty con, công ty liên kết của SHB;"</i></p>	<p>Điểm pq Khoản 1 Điều 31 <u>32</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>p) q) Thông qua các hợp đồng, <u>giao dịch khác có giá trị trên từ 20% vốn điều lệ trở lên</u> của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SHB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của SHB, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của tổ chức tín dụng SHB; công ty con, công ty liên kết của SHB, <u>trừ trường hợp SHB đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc</u>;</i></p>	Sửa để phù hợp với Điểm r Khoản 3 Điều 67 Luật Các TCTD 2024.
61	Không quy định	<p>Điểm s Khoản 1 Điều 31 <u>32</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>s) <u>Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 của Luật Các TCTD</u>;</i></p>	Bổ sung để phù hợp với Điểm t Khoản 3 Điều 67 Luật Các TCTD 2024.
62	<p>Điểm s Khoản 1 Điều 32 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>"s) Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng theo đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát"</i></p>	<i>s) <u>Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng theo đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát.</u></i>	Bỏ Điểm này do đã bổ sung thêm Điểm s Khoản 1 Điều 32 (sau khi sửa là Điều 31) Điều lệ này về việc quy định ĐHĐCĐ có thẩm quyền quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập phù hợp với Điểm t Khoản 3 Điều 67 Luật Các TCTD 2024.
63	<p>Khoản 2 Điều 33 (Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>"2. Đại hội đồng cổ đông SHB phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính."</i></p>	<p>Khoản 2 Điều 33 <u>32</u> (Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>"2. Đại hội đồng cổ đông SHB phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính."</i></p>	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020 theo hướng ghi nhận thêm quyền của HĐQT.
64	<p>Khoản 3 Điều 33 (Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>"3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</i></p>	<p>Khoản 3 Điều 33 <u>32</u> (Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>"3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của SHB.</i></p>	Sửa để phù hợp với Khoản 2 điều 67 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của SHB.</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 29 của Điều lệ này.</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật."</p>	<p>b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên <u>tối thiểu</u> theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên <u>tối thiểu</u> theo quy định của pháp luật.</p> <p>đ) <u>d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 29 28</u> của Điều lệ này.</p> <p>đ) <u>e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</u></p> <p>f) <u>Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng.</u></p> <p>g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật."</p>	
65	<p>Khoản 4 Điều 33 (Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p>"4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày xảy ra trường hợp không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại theo quy định tại Điểm b hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp theo quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này.</p> <p>Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho SHB."</p>	<p>Khoản 4 Điều 33 <u>32</u> (Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p>"4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>30 90</u> ngày, kể từ ngày xảy ra trường hợp không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> còn lại theo quy định tại <u>Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều này</u> hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp <u>theo quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này Điểm d, Điểm e Khoản 3 Điều này</u>". Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho SHB."</p>	Sửa để cập nhật tương ứng với nội dung bổ sung tại Khoản 3 Điều này, đồng thời đảm bảo tính phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020, phù hợp với thực tế hoạt động.
66	<p>Khoản 9 Điều 33 (Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p>"9. Người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền gia hạn thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông nhưng phải đảm bảo thời gian triệu tập họp và thời gian họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ này."</p>	Bỏ khoản này	Bỏ Khoản này để phù hợp với Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020.

Stt	Nội dung-Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
67	<p>Khoản 2 Điều 34 (Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>"2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho SHB bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong SHB, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc và đăng trên website của SHB."</i></p>	<p>Khoản 2 Điều 34 <u>33</u> (Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>"2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức để bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho SHB bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong SHB, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc và đăng trên website của SHB."</i></p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020, phù hợp với thực tế.
68	<p>Khoản 2 Điều 36 (Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>"2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết."</i></p>	<p>Khoản 2 Điều 36 <u>35</u> (Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>"2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết."</i></p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp.
69	<p>Khoản 3 Điều 36 (Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>"3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp."</i></p>	<p>Khoản 3 Điều 36 <u>35</u> (Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p><i>"3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp."</i></p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 145 Luật Doanh nghiệp.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
70	Khoản 2 Điều 38 (Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông) quy định: "2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên chấp thuận."	Khoản 2 Điều 38 Điều 37 (Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông) quy định: "2. Trừ trường hợp quy định tại khoản <u>Khoản 3, 4 và 5</u> Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên <u>50%51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên chấp thuận hoặc <u>khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.</u> "	Sửa để phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 67 Luật Các TCTD 2024.
71	Khoản 3 Điều 38 (Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông) quy định: "3. Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các Điểm b, h, o và q Khoản 1, Điều 32, Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận."	Khoản 3 Điều 38 Điều 37 (Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông) quy định: "3. Đối với quyết định về nội dung các vấn đề quy định tại các <u>Điểm h và p Khoản 1 Điều 31 Điều lệ này Điểm b, h, o và q Khoản 1, Điều 32, Điều lệ này</u> thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận <u>hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.</u> "	Sửa để phù hợp với quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 67 Luật Các TCTD 2024.
72	Không quy định	Khoản 4 Điều 38 Điều 37 (Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông) quy định: "4. Đối với quyết định về nội dung quy định tại Điểm r Khoản 3 Điều 31 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận."	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 67 Luật Các TCTD 2024.
73	Khoản 5 Điều 38 (Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông) quy định: "5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các Điểm a, d, f và q Khoản 1, Điều 32 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông."	Khoản 5 Điều 38 Khoản 6 Điều 37 (Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông) quy định: " 5-6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung các vấn đề quy định tại các <u>Điểm a, d, f và r Khoản 1 Điều 31 Điều lệ này Điểm a, d, f và q Khoản 1, Điều 32 Điều lệ này</u> phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông."	Sửa để phù hợp với Khoản 5 Điều 67 Luật Các TCTD 2024.
74	Khoản 8 Điều 38 (Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông) quy định: "8. Thay đổi các quyền a) Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến vốn cổ phần của SHB được chia thành các loại cổ phần khác nhau, về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm	Khoản 8 Điều 38 Khoản 9 Điều 37 (Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông) quy định: "8. <u>9.</u> Thay đổi các quyền a) Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến vốn cổ phần của SHB được chia thành các loại cổ phần khác nhau <u>Trường hợp SHB phát hành cổ phần ưu đãi</u> , về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.	Sửa để phù hợp với thực tế hoạt động, trên cơ sở tham khảo theo Điều 17 Điều lệ mẫu áp dụng với công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p> <p>b) Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 36, 37, 38 của Điều lệ này.</p> <p>c) Trừ trường hợp các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với mỗi loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của SHB không bị thay đổi khi SHB phát hành thêm các cổ phần cùng loại."</p>	<p>b) Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>c) Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 35, Điều 36, Điều 37, 38 của Điều lệ này.</p> <p>d) Trừ trường hợp các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với mỗi loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của SHB không bị thay đổi khi SHB phát hành thêm các cổ phần cùng loại."</p>	
75	<p>Khoản 4 Điều 40 (Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p>"4. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước."</p>	<p>Khoản 4 Điều 40 Điều 39 (Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p>"4. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc bế-mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước"</p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 68 Luật Các TCTD 2024.</p>
76	<p>Khoản 1 Điều 41 (Hiệu lực và hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p>"1. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>b) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục</p>	<p>Khoản 1 Điều 41 Điều 40 (Hiệu lực và hủy bỏ các quyết định nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông) quy định:</p> <p>1. Hiệu lực các Nghị-nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>b) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều này, thì các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.”</p>	<p>c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều này, thì các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	
77	<p>Khoản 1 Điều 42 (Những người không được giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc; Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ) quy định:</p> <p>“1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của SHB:</p> <p>a) Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.</p> <p>c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời Điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng.</p> <p>d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời Điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường</p>	<p>Khoản 1 Điều 42-41 (Những người không được giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc; Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ) quy định:</p> <p>“1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của SHB:</p> <p>a) Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.</p> <p>c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã Chh-nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời Điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng.</p> <p>d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời Điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó.</p> <p>e) d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng Ban</p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD 2024.</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó.</p> <p>e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>f) Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc SHB không được là thành viên Ban kiểm soát SHB.</p> <p>g) Những người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị SHB không được là Tổng Giám đốc SHB.</p> <p>h) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng."</p>	<p>kiểm soát, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật Các TCTD quy định pháp luật hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p><u>e) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của SHB, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 43 Điều lệ này.</u></p> <p>f) Những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc SHB không được là thành viên Ban kiểm soát SHB.</p> <p>g) Những người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị SHB không được là Tổng Giám đốc SHB.</p> <p>H) f) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng."</p>	
78	<p>Khoản 2 Điều 42 (Những người không được giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc; Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ) quy định:</p> <p>"2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con của SHB:</p> <p>a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.</p>	<p>Khoản 2, Khoản 3 Điều 42 41 (Những người không được giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc; Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ) quy định:</p> <p><u>"2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty con của SHB:</u></p> <p><u>a) Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi;</u> người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.</p> <p><u>b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;</u></p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 42 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án.</p> <p>c) Người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.</p> <p>d) Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích.</p> <p>e) Cán bộ, công chức; người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại SHB.</p> <p>f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại SHB.</p> <p>g) Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của SHB."</p>	<p>đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án.</p> <p>c) Người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.</p> <p>d) Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích.</p> <p>e) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước, <u>của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại SHB hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ.</u></p> <p>f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, <u>viên chức</u> quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, <u>công nhân công an</u> trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước, <u>của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại SHB.</u></p> <p>g) 3. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của SHB và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của SHB"</p>	
79	<p>Khoản 4 Điều 42 (Những người không được giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc; Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ) quy định:</p> <p>"4. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc:</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết.</p> <p>b) Vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.</p>	<p>Khoản 4 Điều 42 <u>41</u> (Những người không được giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc; Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ) quy định:</p> <p>"4. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc <u>của SHB</u>:</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết.</p> <p>b) a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ Vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.</p> <p>e) b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông góp vốn của SHB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại tư cách pháp nhân.</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 45 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông góp vốn của SHB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân.</p> <p>d) Mất tư cách là người đại diện phần vốn góp theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức.</p> <p>e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>f) Khi SHB bị thu hồi Giấy phép.</p> <p>g) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.</p> <p>Hội đồng quản trị SHB phải có văn bản báo cáo về việc các đối tượng đương nhiên bị mất tư cách theo quy định tại Khoản này kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định được các đối tượng trên bị đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.</p> <p>Sau khi đương nhiên bị mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của SHB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm."</p>	<p>d) c) Mất tư cách <u>Không còn</u> là người đại diện phần vốn góp theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức.</p> <p>e) d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>f) e) Khi SHB bị thu hồi Giấy phép.</p> <p>l) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.</p> <p>g) <u>Chết.</u></p> <p>Hội đồng quản trị SHB phải có văn bản báo cáo về việc các đối tượng nhân sự đương nhiên bị mất tư cách theo quy định tại Khoản <u>Điểm a, b, c, d, f và g</u> Khoản này kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước trong vòng thời hạn <u>05</u> ngày làm việc kể từ ngày nhân sự xác định được các đối tượng trên bị đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.</p> <p>Sau khi đương nhiên bị mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của SHB <u>vẫn</u> phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với <u>về</u> các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm."</p>	
80	<p>Khoản 5 Điều 42 (Những người không được giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc; Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ) quy định:</p> <p>"4. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của SHB bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p>	<p>Khoản 5 Điều 42 <u>41</u> (Những người không được giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc; Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ) quy định:</p> <p>"5. <u>Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 4 Điều này</u>, Chủ tịch, thành viên <u>khác của</u> Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên <u>khác của</u> Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của SHB bị miễn nhiệm, bãi nhiệm <u>khi thuộc một</u> trong các trường hợp sau đây :</p> <p>a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 46 Luật Các TCTD 2024.</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của SHB.</p> <p>c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>d) Không bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này.</p> <p>e) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập.</p> <p>Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của SHB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại Điều này, Hội đồng quản trị SHB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước."</p>	<p>b) <u>a) Miễn nhiệm khi Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của SHB.</u></p> <p>e) <u>b) Bãi nhiệm khi Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</u></p> <p><u>d) c) Bãi nhiệm khi Không bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này.</u></p> <p>e) <u>d) Bãi nhiệm khi Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 41 và Khoản 3 Điều 43 của Luật Các TCTD không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập.</u></p> <p><u>e) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy định nội bộ của SHB</u></p> <p>Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên <u>khác của Hội đồng quản trị</u>; Trưởng ban, thành viên <u>khác của Ban kiểm soát</u>; Tổng Giám đốc của SHB <u>vẫn</u> phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với <u>về</u> các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các <u>đối tượng nhân sự</u> theo quy định tại Điều <u>Khoản</u> này, Hội đồng quản trị SHB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước."</p>	
81	<p>Khoản 6 Điều 42 (Những người không được giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc; Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ) quy định:</p> <p>"6. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành của SHB và người điều hành của tổ chức tín dụng khác; là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám</p>	<p>Khoản 6 Điều 42 <u>41</u> (Những người không được giữ chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc; Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ) quy định:</p> <p>"6. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ:</p> <p><u>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của SHB và người điều hành của tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác; là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</u></p> <p><u>b) Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập của SHB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</u></p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 43 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p> <p>b) Tổng giám đốc của SHB không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị SHB không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của SHB hoặc là thành viên Ban kiểm soát của SHB; không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của quá 05 công ty khác.</p> <p>d) Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên SHB hoặc công ty con của SHB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của SHB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó. - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại SHB. <p>e) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của SHB không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của SHB. Phó Tổng giám đốc (và các chức danh tương đương của SHB không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng</p>	<p><u>(i) Người điều hành của SHB, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của SHB;</u></p> <p><u>(ii) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của SHB hoặc của công ty mẹ của SHB hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</u></p> <p><u>(iii) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</u></p> <p><u>c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của SHB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</u></p> <p><u>(i) Người điều hành của SHB;</u></p> <p><u>(ii) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;</u></p> <p><u>(iii) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</u></p> <p><u>d) Thành viên Ban kiểm soát của SHB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây (trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhân chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt):</u></p> <p><u>(i) Người quản lý, người điều hành của SHB, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của SHB hoặc công ty con của SHB;</u></p> <p><u>(ii) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của SHB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.</u></p> <p><u>e) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của SHB không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng Giám đốc của SHB là người quản lý, người điều hành công ty con của SHB hoặc của công ty mẹ của SHB.</u></p> <p><u>Tổng giám đốc của SHB không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</u></p> <p><u>Thành viên Hội đồng quản trị SHB không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của SHB hoặc là thành viên</u></p>	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
	giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.”	Ban kiểm soát của SHB; không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của quá 05 công ty khác. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây: Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên SHB hoặc công ty con của SHB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của SHB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại SHB. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của SHB không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của SHB. Phó Tổng giám đốc (và các chức danh tương đương của SHB không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.”	
82	<p>Điều 43 (Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc) quy định:</p> <p>“1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 45 ngày, Hội đồng quản trị SHB phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; đồng thời thông báo các Điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được đề cử theo quy định pháp luật để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này.</p> <p>2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng quản trị thẩm định Điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử</p>	<p>Điều 43-42 (Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc) quy định:</p> <p>“1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 45 ngày, Hội đồng quản trị SHB phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; đồng thời thông báo các Điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được đề cử theo quy định pháp luật để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này.</p> <p>2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng quản trị thẩm định Điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử</p>	Sửa để đảm bảo tính linh hoạt, phù hợp với thực tế.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập), thành viên Ban kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ Điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này.</p> <p>3. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo Điều kiện theo quy định, Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.</p> <p>4. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của SHB phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của SHB phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại Khoản 2 Điều này. SHB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị khác.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu tiếp quản công việc và thực hiện nhiệm vụ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông bầu và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm."</p>	<p>3. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo Điều điều kiện theo quy định, Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.</p> <p>4. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của SHB phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của SHB phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh <u>danh</u> sách ứng cử viên đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại Khoản 2-4 Điều này. SHB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị khác.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu tiếp quản công việc và thực hiện nhiệm vụ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông bầu và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm."</p>	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
83	Khoản 2 Điều 44 (Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị) quy định: "2. Hội đồng quản trị của SHB phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 1/2 tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng"	Khoản 2 Điều 44-43 (Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị) quy định: 2. Hội đồng quản trị của SHB phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. <u>Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của SHB, trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 1/2 tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.</u>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Các TCTD 2024.
84	Khoản 3 Điều 44 (Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị) quy định: "3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông pháp nhân và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị của SHB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của nhà nước"	Khoản 3 Điều 44-43 (Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị) quy định: "3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện phần vốn góp của một cổ đông <u>là tổ chức pháp nhân</u> và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá <u>02 thành viên Hội đồng quản trị của SHB 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị của SHB</u> , trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của nhà nước, <u>bên nhân chuyển giao bất buộc.</u>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 69 Luật Các TCTD 2024.
85	Khoản 4 Điều 44 (Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị) quy định: "4. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc"	Khoản 4 Điều 44-43 (Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị) quy định: 4. <u>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</u>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 69 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
86	Khoản 5 Điều 44 (Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị) quy định: "5. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào Hội đồng Quản trị: a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. b) Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SHB thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định."	Khoản 5 Điều 44-43 (Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị) quy định: "5. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào Hội đồng Quản trị: a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10 <u>05</u> % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. b) <u>Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có quyền quy định về các vấn đề có liên quan đến việc ứng cử, đề cử vào Hội đồng Quản trị trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SHB thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.</u> "	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 10, Điều 61 Luật Các TCTD 2024. Ngoài ra, bổ sung quy định tại Điểm b Khoản này để đảm bảo tính linh hoạt, đáp ứng được yêu cầu thực tế. Đối với nội dung còn lại tại Điểm b Khoản này: bỏ do tại Khoản 3 Điều 51 (sau khi sửa là điều 50) đã có quy định về vấn đề này.
87	Không quy định	Khoản 6, 7 Điều 43 (Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị) quy định: "6. <u>Hội đồng quản trị có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng quản trị quy định.</u> 7. <u>Hội đồng quản trị phải thành lập các ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước."</u>	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 4, 5 Điều 50 Luật Các TCTD 2024.
88		Khoản 8 Điều 43 (Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị) quy định: "8. <u>Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của ủy ban/bộ phận giúp việc trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban/bộ phận giúp việc Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, bổ nhiệm, chỉ định thành viên ủy ban/bộ phận giúp việc hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót."</u>	Kế thừa lại quy định cũ tại Khoản 17 Điều 50 Điều lệ hiện hành, có chỉnh sửa về mặt từ ngữ để làm rõ nghĩa.
89	Không quy định	Khoản 9 Điều 43 (Số lượng, nhiệm kỳ và nguyên tắc ứng cử, đề cử Hội đồng Quản trị) quy định: "9. <u>Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ của SHB."</u>	Bổ sung để phù hợp với Khoản 4 Điều 69 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
90	<p>Khoản 1 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p><i>“Hội đồng Quản trị của SHB là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh SHB trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả hoạt động của SHB và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:</i></p> <p><i>1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao”</i></p>	Bỏ Khoản này.	Bỏ Khoản này vì đã bổ sung nội dung tương tự tại Khoản 6 Điều 44 Điều lệ này.
91	<p>Khoản 4 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p><i>“4. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.”</i></p>	<p>Khoản 4.3-Điều-45 <u>44</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p><i>4.3. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.</i></p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 70 Luật Các TCTD 2024.
92	<p>Khoản 5 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p><i>“5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất”</i></p>	<p>Khoản 5.4 Điều 45 <u>44</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p><i>“5.4. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của SHB tại của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.”</i></p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 70 Luật Các TCTD 2024.
93	<p>Khoản 7 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p><i>“7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua bán tài sản của SHB từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các Khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản của SHB quy định tại Điểm</i></p>	<p>Khoản 7.6 Điều 45 <u>44</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p><i>“7.6. Thông qua Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định giao dịch mua bán tài sản của SHB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% trở lên so với vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các Khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản cố định của SHB quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 3132-Điều lệ này.</i></p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 7 Điều 70 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<i>o Khoản 1 Điều 32 Điều lệ này..”</i>		
94	Khoản 8 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>“8. Quyết định các Khoản cấp tín dụng theo quy định tại Điều 128 Luật các Tổ chức Tín dụng về giới hạn cấp tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 32 Điều lệ này.”</i>	Khoản-8-7 Điều 45 44 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>8-7. Quyết định các Khoản cấp tín dụng theo quy định tại Khoản 7 Điều 136 Luật Các TCTD-128 Luật các Tổ chức Tín dụng về giới hạn cấp tín dụng, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 32 Điều lệ này.</i>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 8 Điều 70 Luật Các TCTD 2024.
95	Khoản 9 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>9. Thông qua các hợp đồng của SHB với công ty con, công ty liên kết của SHB; các hợp đồng của SHB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của SHB. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.</i>	Khoản 9-8 Điều-45 44 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>9-8. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SHB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của SHB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của SHB; công ty con, công ty liên kết của SHB của SHB với công ty con, công ty liên kết của SHB; các hợp đồng của SHB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của SHB. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.</i>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 9 Điều 70 Luật Các TCTD 2024.
96	Không quy định	Khoản 9 Điều 44 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>“9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Đối với hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, Hội đồng quản trị có thể ban hành quy định nội bộ để quy định nguyên tắc, phân cấp về thẩm quyền quyết định theo thực tế hoạt động trong từng thời kỳ”</i>	Bổ sung để phù hợp với quy định mới tại Khoản 10, Điều 70 Luật Các TCTD 2024.
97	Khoản 10 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.</i>	Khoản 10-11 Điều 45 44 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>“10-11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.”</i>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 11 Điều 70 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
98	Khoản 11 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>11. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của SHB phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.</i>	Khoản 11-12 Điều 45 44 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>“11.2. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của SHB phù hợp với các quy định của Luật Các TCTD này và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề nội dung thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.”</i>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 12 Điều 70 Luật Các TCTD 2024.
99	Khoản 14 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>14. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.</i>	Bỏ Khoản này.	Bỏ khoản này do Điều 70 Luật Các TCTD 2024 đã không còn quy định về nội dung này.
100	Khoản 15 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>15. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.</i>	Bỏ Khoản này.	Bỏ khoản này do Điều 70 Luật Các TCTD 2024 đã không còn quy định về nội dung này.
101	Khoản 18 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>18. Quyết định mua lại cổ phần của SHB.</i>	Khoản 18 <u>16</u> Điều 45- 44 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>“18-16. Quyết định mua lại cổ phần của SHB theo phương án được duyệt.”</i>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 17 Điều 70 Luật Các TCTD 2024.
102	Không quy định	Khoản 25, 26 Điều 45- 44 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: <i>“25. Xây dựng, phê duyệt, triển khai, sửa đổi và bổ sung, phương án phát triển kinh doanh, phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của SHB, các phương án/dề án theo chỉ đạo và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</i> <i>26. Quyết định, triển khai thực hiện các vấn đề khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh phát sinh trong năm”</i>	Bổ sung để phù hợp với thực tế hoạt động của SHB.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
103	Khoản 28 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: 28. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị quyết định và thực hiện một hoặc một số các nhiệm vụ nêu tại Điều này. Các vấn đề ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.	Khoản 28 Điều 45 44 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: "28. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị <u>khác</u> quyết định và thực hiện một hoặc một số các nhiệm vụ nêu tại Điều này, <u>trừ các trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền đã quy định tại Khoản 5 Điều 47 Điều lệ này.</u> Các vấn đề ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình. "	Sửa để đồng bộ với quy định tại Khoản 5 Điều 47 Điều lệ.
104	Khoản 29 Điều 45 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị) quy định: 29. Những vấn đề sau phải được Hội đồng Quản trị thông qua và không được áp dụng cơ chế ủy quyền quy định tại Khoản 28 Điều này: a) Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của SHB. b) Các Khoản đầu tư không có trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư ngân sách vượt quá 10% kế hoạch tài chính ghi trong kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua."	Bỏ Khoản này.	Bỏ Khoản này do đây là nội dung ghi nhận, tham khảo Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Quyết định 383/2002/QĐ-NHNN. Quyết định này <u>đã hết hiệu lực từ ngày 25/4/2010.</u> Nội dung điều khoản này cũng không còn phù hợp, đồng bộ với quy định pháp luật hiện hành.
105	Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7 Điều 46 (Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị) quy định: "1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 2. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 42, Điều lệ này. 3. Có bằng đại học trở lên.	Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 6 Điều 46 45 (Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị) quy định: "1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 2.1. Không thuộc đối tượng trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1, Điều 4142, Điều lệ này. 2. <u>Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</u> 3. <u>Có bằng trình độ từ đại học trở lên.</u>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 50 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>4. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65, Điều 66 và Điều 67 Điều lệ này.</p> <p>5. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện nêu tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này và các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính SHB hoặc công ty con của SHB hoặc đã làm việc cho SHB hoặc công ty con của SHB trong 03 năm liền kề trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của SHB ngoài những Khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định.</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của SHB, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của SHB hoặc công ty con của SHB.</p> <p>d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SHB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SHB.</p> <p>e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SHB tại bất kỳ thời Điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</p>	<p>4. <u>Có một trong các điều kiện sau đây: Có có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp; người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65, Điều 66 và Điều 67 Điều lệ này.</u></p> <p>5. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải đáp ứng các <u>tiêu chuẩn</u>, điều kiện nêu tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này và các <u>tiêu chuẩn</u>, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính SHB hoặc công ty con của SHB hoặc đã làm việc cho SHB hoặc công ty con của SHB trong 03 năm liền kề trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của SHB ngoài những Khoản <u>thù lao phụ cấp</u> của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định.</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của SHB, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của SHB hoặc công ty con của SHB.</p> <p>d) <u>Không đại diện sở hữu cổ phần của SHB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SHB. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SHB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SHB.</u></p> <p>e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SHB tại bất kỳ thời Điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</p> <p>7.6. Các điều kiện khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật có liên quan."</p>	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	7. Các điều kiện khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật có liên quan."		
106	Khoản 6 Điều 46 (Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị) quy định: 6. Trường hợp cổ đông là người nước ngoài tham gia Hội đồng Quản trị phải có thêm các điều kiện sau: a) Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SHB. b) Không làm thành viên Hội đồng Quản trị quá 02 tổ chức tín dụng tại Việt Nam. c) Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị của SHB.	Bỏ Khoản này.	Bỏ Khoản này do đây là nội dung ghi nhận, tham khảo Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Quyết định 383/2002/QĐ-NHNN. Quyết định này <u>đã hết hiệu lực từ ngày 25/4/2010</u> . Nội dung điều khoản này cũng không còn phù hợp, đồng bộ với quy định pháp luật hiện hành.
107	Khoản 2 Điều 47 (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) quy định: "2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ quy định tại Khoản 5, Điều 42 Điều lệ này."	Khoản 2 Điều 47 46 (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) quy định: "2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ quy định tại Khoản 6 Điều 41 42 Điều lệ này."	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 43 Luật Các TCTD năm 2024 và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
108	Khoản 3 Điều 47 (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) quy định: "3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.	Khoản 3 Điều 47 48 (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) quy định: "3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; <u>chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình</u> . b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. b)c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. e)d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. d)e) Giám sát, tổ chức giám sát việc quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. e)f) Làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 71 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f) Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.</p> <p>g) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện bằng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>h) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.</p> <p>i) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p>j) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>f)g) Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.</p> <p>g)h) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện bằng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>h)i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.</p> <p>i) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>j)k) Định kỳ hằng năm, Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p>j)l) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.”</p>	
109	<p>Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8 Điều 48 (Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p>“1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của SHB và cổ đông.</p> <p>2. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</p>	<p>Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, <u>9</u> Điều 48 <u>47</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p>“1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của SHB và cổ đông; <u>phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</u></p> <p>2. Nghiên cứu <u>Xem xét</u> báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, <u>làm rõ</u> các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</p> <p>3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập euêc họp Hội đồng quản trị bất thường.</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 72 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.</p> <p>4. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.</p> <p>5. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</p> <p>8. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật (nếu có)."</p>	<p>4. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, có ý kiến về các vấn đề nội dung được đưa ra thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.</p> <p><u>Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.</u></p> <p><u>5. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các Khoản 1, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13 và 17 Điều 44 của Điều lệ này.</u></p> <p>4-6. <u>Triển khai thực hiện</u> các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>5-7. <u>Có trách nhiệm giải trình</u> trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</p> <p>7-9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật (nếu có)."</p>	
110	<p>Khoản 1, Khoản 2 Điều 50 (Hợp Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p>"1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì phiên họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Phiên họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>2. Các phiên họp thường kỳ: Hội đồng Quản trị SHB họp định kỳ mỗi quý một lần hoặc có thể ngắn hơn do Chủ tịch Hội đồng Quản trị của mỗi nhiệm kỳ quy định. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người triệu tập các phiên họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến."</p>	<p>Khoản 1, Khoản 2 Điều 50 <u>49</u> (Hợp Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p>"1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì phiên <u>cuộc</u> họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. <u>Phiên Cuộc họp</u> này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất <u>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì</u>. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất <u>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất</u> và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>2. <u>Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường</u>Các phiên họp thường kỳ: Hội đồng Quản trị SHB họp định kỳ mỗi quý một lần hoặc có thể ngắn hơn do Chủ tịch Hội đồng Quản trị của mỗi nhiệm kỳ quy định. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người triệu tập các phiên họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến."</p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020, phù hợp với thực tế.</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến."		
111	<p>Khoản 3 Điều 50 (Hợp Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p>"3. Các phiên họp đột xuất: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây :</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Đề nghị quy định tại Khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị."</p>	<p>Khoản 3 Điều 50 49 (Hợp Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p>"3. Các phiên họp đột xuất: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây :</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Đề nghị quy định tại Khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị."</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.
112	Không quy định	<u>"4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp khẩn cấp. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ quy định cụ thể các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp"</u>	Bổ sung để phù hợp với thực tế hoạt động và phù hợp quy định Điểm d Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.
113	<p>Khoản 4 Điều 50 (Hợp Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p>"4. Các phiên họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3, Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với SHB; những người đề nghị tổ chức phiên họp được đề cập ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị"</p>	<p>Khoản 4 Điều 50 49 (Hợp Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p><u>"5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với SHB; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị. Các phiên họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3, Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với SHB; những người đề nghị tổ chức phiên họp được đề cập ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị"</u></p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
114	<p>Khoản 5 đến hết Khoản 17 Điều 50 (Hợp Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p>"5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Ngân hàng.</p> <p>6. Địa Điểm họp: Các phiên họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của SHB hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.</p> <p>7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và gửi cho người triệu tập họp ít nhất 2 ngày trước khi phiên họp được tiến hành. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa Điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại phiên họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại SHB.</p> <p>8. Các phiên họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa phiên họp chậm nhất 01</p>	<p>Khoản 6 đến hết Khoản 14 Điều 50 49 (Hợp Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p>"5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Ngân hàng.</p> <p>6. Địa Điểm họp: Các phiên <u>cuộc</u> họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của SHB hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.</p> <p>7. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp (trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này). Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</u> Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và gửi cho người triệu tập họp ít nhất 2 ngày trước khi phiên họp được tiến hành. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa Điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại phiên họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ <u>liên lạc</u> của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại SHB.</p> <p>8. Các phiên <u>Cuộc</u> họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. <u>Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</u></p> <p><u>Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận, trừ các trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền đã quy định tại Khoản 5 Điều 47 Điều lệ này.</u></p> <p>Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong</p>	Sửa để phù hợp với thực tế hoạt động.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>(một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.</p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>a) Trừ quy định tại Điểm b, Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại phiên họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết (trừ người được ủy quyền không phải là thành viên Hội đồng Quản trị quy định tại Khoản 8 Điều này);</p> <p>b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của SHB. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một phiên họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c) Theo quy định tại Điểm d, Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một phiên họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa phiên họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất</p>	<p>bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa phiên họp chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.</p> <p><u>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u></p> <p><u>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 8 Điều này;</u></p> <p><u>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u></p> <p><u>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đóng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</u></p> <p>9. Điều quyết:</p> <p>a) Trừ quy định tại Điểm Điểm b, Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại phiên họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết (trừ người được ủy quyền không phải là thành viên Hội đồng Quản trị quy định tại Khoản 8 Điều này);</p> <p>b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của SHB. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một phiên họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>e) Theo quy định tại Điểm Điểm d, Khoản Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một phiên họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không</p>	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;</p> <p>d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với SHB và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong phiên họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>11. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 phiếu biểu quyết. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</p> <p>12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Phiên họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a) Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong phiên họp.</p> <p>b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p>	<p>được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa phiên họp và phân quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;</p> <p>d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với SHB và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong phiên họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>10. <u>Ngợi quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></p> <p>11. <u>Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 phiếu biểu quyết. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</u></p> <p>11. <u>Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Phiên Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u></p> <p>a) <u>Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong phiên cuộc họp.</u></p> <p>b) <u>Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</u></p> <p><u>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị tham gia phiên họp như vậy</u></p>	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này) diễn ra vào thời Điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị tham gia phiên họp như vậy được coi là “có mặt” tại phiên họp đó. Địa Điểm phiên họp được tổ chức theo quy định này là địa Điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa Điểm mà Chủ toạ phiên họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một phiên họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc phiên họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự phiên họp này.</p> <p>13. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các phiên họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. 12. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và hai bản này có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự phiên họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của SHB, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.</p> <p>b) Thời gian, địa Điểm họp.</p> <p>c) Mục đích, chương trình và nội dung họp.</p>	<p>được coi là “có mặt” tại phiên họp đó. Địa Điểm phiên họp được tổ chức theo quy định này là địa Điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa Điểm mà Chủ toạ phiên họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một phiên họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc phiên họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự phiên họp này.</p> <p>13. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các phiên họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. 12. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và hai bản này có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự phiên họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của SHB, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.</p> <p>b) Thời gian, địa Điểm họp.</p> <p>c) Mục đích, chương trình và nội dung họp.</p> <p>d) Họ và tên các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp, <u>họ và tên các thành viên không dự họp vắng mặt và lý do vắng mặt.</u></p> <p>đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại phiên <u>cuộc</u> họp.</p> <p>e) Tóm tắt ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.</p> <p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</p> <p>h) <u>Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng. Các nghị quyết, quyết định được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.</u></p> <p>i) <u>Họ, tên, chữ ký chủ toạ và người ghi biên bản.</u></p>	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>d) Họ và tên các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp, các thành viên vắng mặt và lý do vắng mặt.</p> <p>đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại phiên họp.</p> <p>e) Tóm tắt ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.</p> <p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</p> <p>h) Các nghị quyết, quyết định được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.</p> <p>i) Họ tên, chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền dự họp. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do, nếu không ghi lý do thì các biểu quyết của thành viên đó đối với các nội dung tại phiên họp coi như không có giá trị.</p> <p>Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được chuyển cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày kết thúc phiên họp.</p> <p>Biên bản họp Hội đồng Quản trị và các tài liệu sử dụng trong phiên họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.</p> <p>14. Những người được mời dự họp Hội đồng Quản trị: Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, chuyên gia khác có thể được Hội đồng Quản trị mời dự các phiên họp mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Những người được mời dự họp không được tham gia biểu quyết.</p> <p>15. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản</p>	<p><u>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiết hai xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật có liên quan Họ tên, chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền dự họp. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do, nếu không ghi lý do thì các biểu quyết của thành viên đó đối với các nội dung tại phiên họp coi như không có giá trị.</u></p> <p><u>Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được chuyển cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày kết thúc phiên cuộc họp.</u></p> <p>Biên bản họp Hội đồng Quản trị và các tài liệu sử dụng trong phiên cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.</p> <p><u>13 14. Những người được mời dự họp Hội đồng Quản trị: Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, chuyên gia khác có thể được Hội đồng Quản trị mời dự các phiên cuộc họp mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Những người được mời dự họp không được tham gia biểu quyết.</u></p> <p><u>14 15. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản</u></p> <p>a) Trường hợp không thể tổ chức họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 phiếu biểu quyết.</p> <p>b) Văn phòng Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>c) Phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị phải có các nội dung sau:</p> <p>- Tên, địa chỉ trụ sở chính của SHB, số và ngày Quyết định thành lập, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p>	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>a) Trường hợp không thể tổ chức họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 phiếu biểu quyết.</p> <p>b) Văn phòng Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>c) Phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị phải có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính của SHB, số và ngày Quyết định thành lập, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; - Mục đích lấy ý kiến; - Vấn đề cần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị; - Phương án biểu quyết, tán thành, không tán thành, không có ý kiến; - Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SHB; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị được lấy ý kiến. <p>d) Thư ký Hội đồng Quản trị (hoặc Văn phòng Hội đồng Quản trị) có trách nhiệm kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính của SHB, số và ngày Quyết định thành lập, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến; - Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ; - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến; - Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết; - Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu và người giám sát việc kiểm phiếu. <p>e) Người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>f) Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm phiếu.</p> <p>g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.</p> <p>h) Các nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại các phiên họp Hội đồng Quản trị.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích lấy ý kiến; - Vấn đề cần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị; - Phương án biểu quyết, tán thành, không tán thành, không có ý kiến; - Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SHB; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị được lấy ý kiến. d) Thư ký Hội đồng Quản trị (hoặc Văn phòng Hội đồng Quản trị) Văn phòng Hội đồng Quản trị có trách nhiệm kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu. dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: - Tên, địa chỉ trụ sở chính của SHB, số và ngày Quyết định thành lập, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến; - Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ; - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến; - Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết; - Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu và người giám sát việc kiểm phiếu. e) Người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. f) Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm phiếu. g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SHB. h) Các nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại các phiên họp Hội đồng Quản trị. 	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>- Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ;</p> <p>- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;</p> <p>- Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;</p> <p>- Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu và người giám sát việc kiểm phiếu.</p> <p>e) Người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>f) Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm phiếu.</p> <p>g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.</p> <p>h) Các nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại các phiên họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>16. Các Ủy ban, tiểu ban và hội đồng khác của Hội đồng Quản trị</p> <p>a) Các Ủy ban: Hội đồng quản trị phải thành lập tối thiểu hai Ủy ban, gồm Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro và Ủy ban về vấn đề nhân sự. Các Ủy ban là cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị, có vai trò tham mưu cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy định nội bộ về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, số lượng thành viên cụ thể của từng Ủy ban, trách nhiệm của từng thành viên trong Ủy ban.</p>	<p>16. Các Ủy ban, tiểu ban và hội đồng khác của Hội đồng Quản trị</p> <p>a) Các Ủy ban: Hội đồng quản trị phải thành lập tối thiểu hai Ủy ban, gồm Ủy ban về vấn đề quản lý rủi ro và Ủy ban về vấn đề nhân sự. Các Ủy ban là cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị, có vai trò tham mưu cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy định nội bộ về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, số lượng thành viên cụ thể của từng Ủy ban, trách nhiệm của từng thành viên trong Ủy ban.</p> <p>b) Các tiểu ban và hội đồng khác: Tùy thuộc vào chiến lược phát triển và quy mô hoạt động của SHB trong từng thời kỳ, Hội đồng Quản trị quyết định việc thành lập các tiểu ban hoặc hội đồng khác giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong từng lĩnh vực hoạt động cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>17. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban, hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.</p>	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy định nội bộ về nhiệm vụ, chức năng của các Ủy ban. Quy định này tối thiểu bao gồm các nội dung: việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, số lượng thành viên cụ thể của từng Ủy ban, trách nhiệm của từng thành viên trong Ủy ban.</p> <p>b) Các tiểu ban và hội đồng khác: Tùy thuộc vào chiến lược phát triển và quy mô hoạt động của SHB trong từng thời kỳ, Hội đồng Quản trị quyết định việc thành lập các tiểu ban hoặc hội đồng khác giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong từng lĩnh vực hoạt động cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.”</p> <p>17. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban, hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.”</p>		
115	<p>Điều 51 (Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p>“1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.</p>	<p>Điều 51 50 (Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị) quy định:</p> <p>“1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p><u>1.2. Thành viên Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.</u></p> <p><u>3. Trường hợp Hội đồng Quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Điều lệ này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, SHB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 166 của Luật Các TCTD.</u></p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 50 Luật Các TCTD 2024.</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>3. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu theo quy định của pháp luật, thì trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị đương nhiên mất tư cách, từ chức, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một Phó Chủ tịch thay thế theo nguyên tắc đa số. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc đương nhiên mất tư cách thì Hội đồng Quản trị phải bầu một trong các thành viên còn lại thay thế. Việc bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách phải được thực hiện trong thời hạn chậm nhất 15 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện này.</p> <p>5. Trong các trường hợp khác, phiên họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.</p> <p>6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó."</p>	<p>3. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) tổng số thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu theo quy định của pháp luật, thì trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị đương nhiên mất tư cách, từ chức, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một Phó Chủ tịch thay thế theo nguyên tắc đa số. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc đương nhiên mất tư cách thì Hội đồng Quản trị phải bầu một trong các thành viên còn lại thay thế. Việc bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách phải được thực hiện trong thời hạn chậm nhất 15 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện này.</p> <p>5. Trong các trường hợp khác, phiên họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.</p> <p>6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó."</p>	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
116	Khoản 1 Điều 53 (Người phụ trách quản trị SHB) quy định: <i>"1. Hội đồng quản trị chỉ bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để đảm bảo hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm."</i>	Khoản 1 Điều 53-52 (Người phụ trách quản trị SHB) quy định: <i>"1. Hội đồng quản trị chỉ bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để đảm bảo hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm."</i>	Sửa để đảm bảo tính linh hoạt, phù hợp với thực tế
117	Khoản 1 Điều 54 (Tổng Giám đốc) quy định: <i>"1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất công việc kinh doanh hàng ngày của SHB, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định quy định của pháp luật và Điều lệ SHB"</i>	Khoản 1 Điều 54 <u>53</u> (Tổng Giám đốc) quy định: <i>"1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm <u>Tổng Giám đốc</u> với nhiệm kỳ không quá 05 năm, một trong số các thành viên của mình làm <u>Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc</u>. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất công việc kinh doanh hàng ngày của SHB, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ SHB <u>này</u>."</i>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 55 Luật Các TCTD 2024.
118	Khoản 3 Điều 54 (Tổng Giám đốc) quy định: <i>"3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây :</i> <i>a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 42 Điều lệ này.</i> <i>b) Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này.</i> <i>c) Có bằng đại học hoặc trên đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật.</i> <i>d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc</i>	Khoản 3 Điều 54 <u>53</u> (Tổng Giám đốc) quy định: <i>"3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</i> <i>a) Không thuộc đối tượng trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều <u>41</u> Điều lệ này.</i> <i>b) Bảo đảm <u>Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này.</u></i> <i>c) Có bằng <u>trình độ từ đại học trở lên</u> hoặc <u>trên đại học về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.</u></i> <i>d) Có một trong các điều kiện sau đây: <u>Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng, hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</u></i> <i>e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</i>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 41 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>g) Các điều kiện khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.”</p>	<p>f) Các điều kiện khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.”</p>	
119	Không quy định	<p>Khoản 3 Điều 54 <u>53</u> (Tổng Giám đốc) quy định:</p> <p><u>“4. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.”</u></p>	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 55 Luật Các TCTD 2024.
120	<p>Điều 55 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc) quy định:</p> <p>“1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của SHB.</p> <p>3. Trình Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động hàng ngày của SHB vượt quá thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc để Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.</p> <p>5. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.</p> <p>6. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.</p>	<p>Điều 55.54. (Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc) quy định:</p> <p>“1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của SHB.</p> <p>3. Trình Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động hàng ngày của SHB vượt quá thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc để Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.</p> <p>5. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.</p> <p>6. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin <u>quản lý báo cáo</u>.</p> <p>7. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của SHB.</p> <p>8. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.</p> <p>9. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức <u>quản lý và hoạt động</u> của SHB trình Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>7. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của SHB.</p> <p>8. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.</p> <p>9. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của SHB trình Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.</p> <p>10. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.</p> <p>11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của SHB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>12. Ký kết hợp đồng nhân danh SHB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của SHB.</p> <p>13. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh Ngân hàng.</p> <p>14. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.</p> <p>15. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật."</p>	<p>10. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.</p> <p>11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của SHB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, và Hội đồng quản trị.</p> <p>12. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh SHB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của SHB.</p> <p>13. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh Ngân hàng.</p> <p>14. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.</p> <p>15. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật."</p>	
121	<p>Điều 56 (Giúp việc cho Tổng Giám đốc) quy định:</p> <p>"1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, ban nghiệp vụ của SHB.</p> <p>2. Phó Tổng Giám đốc trợ giúp Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo phân công của Tổng Giám đốc, báo</p>	<p>Điều 56 <u>55</u> (Giúp việc cho Tổng Giám đốc) quy định:</p> <p>"1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, ban nghiệp vụ của SHB.</p> <p>2. Phó Tổng Giám đốc trợ giúp Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo phân công của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.</p>	Bổ sung Khoản 6 để đảm bảo tính bao quát.

Stt	Nội dung Điều lệ, hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.</p> <p>3. Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.</p> <p>4. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của SHB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Các Phòng, Ban nghiệp vụ giúp Tổng Giám đốc thực hiện các hoạt động trong từng lĩnh vực nghiệp vụ của Ngân hàng theo quy định nội bộ của SHB và quy định của pháp luật.”</p>	<p>3. Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.</p> <p>4. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của SHB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Các Phòng, Ban nghiệp vụ giúp Tổng Giám đốc thực hiện các hoạt động trong từng lĩnh vực nghiệp vụ của Ngân hàng theo quy định nội bộ của SHB và quy định của pháp luật.</p> <p>6. Các đơn vị, bộ phận khác theo quy định nội bộ của SHB ban hành trong từng thời kỳ”</p>	
122	<p>Điều 57 (Thù lao của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành) quy định:</p> <p>“Hội đồng Quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua và các thành viên khác trong Ban Điều hành căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và các chi phí cho hoạt động của Ban Điều hành được tính vào chi phí hoạt động của SHB theo quy định của pháp luật, phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của SHB.”</p>	<p>Điều 57 56 (Tiền lương, thưởng và lợi ích khác Thù lao của Tổng Giám đốc và người điều hành khác các thành viên khác trong Ban Điều hành) quy định:</p> <p>“Hội đồng Quản trị quyết định tiền <u>mức</u> lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua và các thành viên khác trong Ban Điều hành căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương, <u>thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc</u> và các chi phí cho hoạt động của Ban Điều hành được tính vào chi phí kinh doanh hoạt động của SHB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tiền lương của Tổng Giám đốc phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng <u>hàng</u> năm của SHB <u>và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u>”</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 70 Luật Các TCTD 2024 và Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp.
123	<p>Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 58 (Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử vào Ban Kiểm soát và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>“1. Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, có trách nhiệm kiểm soát, đánh giá việc chấp hành các quy định nội bộ, các quy định của pháp luật, Điều lệ và việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; thực hiện việc kiểm toán nội bộ các hoạt động kinh doanh và các báo cáo tài chính của SHB.</p> <p>2. Ban kiểm soát của SHB có tối thiểu 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</p>	<p>Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 58 57 (Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử vào Ban Kiểm soát và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>“1. Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, có trách nhiệm kiểm soát, <u>thực hiện giám sát</u>, đánh giá việc chấp hành các quy định nội bộ, các quy định của pháp luật, Điều lệ và <u>việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; <u>thực hiện việc kiểm toán nội bộ các hoạt động kinh doanh và các báo cáo tài chính của SHB.</u></p> <p>2. Ban kiểm soát của SHB có tối thiểu <u>05</u> thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</p> <p>3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của SHB, được thuê các chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của mình.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SHB thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định. “</p>	<p>3. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của SHB, được thuê các chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của mình.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, SHB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 166 của Luật Các TCTD, số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SHB thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.”</p>	
124	<p>Khoản 6 Điều 58 (Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử vào Ban Kiểm soát và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>6. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát.</p> <p>b) Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do SHB quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên</p>	<p>Khoản 6 Điều 58 57 (Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử vào Ban Kiểm soát và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>“6. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10<u>05</u>% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát.</p> <p>b) Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do SHB quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.”</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 10 Điều 61 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.”		
125	<p>Khoản 7 Điều 58 (Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử vào Ban Kiểm soát và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>“7. Điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 42 Điều lệ này.</p> <p>b) Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này.</p> <p>c) Có bằng đại học hoặc trên đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán.</p> <p>d) Không phải là người có liên quan của người quản lý SHB.</p> <p>e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SHB.</p> <p>f) Không Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SHB trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>g) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác và phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.”</p>	<p>Khoản 7 Điều 58 <u>57</u> (Số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử vào Ban Kiểm soát và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>“7. Điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a) <u>Không thuộc đối tượng trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 41 và 42 Điều lệ này.</u></p> <p>b) <u>Bảo đảm Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này.</u></p> <p>c) <u>Có bằng trình độ từ đại học trở lên hoặc trên đại học về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;.</u></p> <p>e) d) e <u>Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán.</u></p> <p>e) Không phải là người có liên quan của người quản lý SHB.</p> <p>đ) f) Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>e) g) <u>Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SHB.</u></p> <p>h) h) Không Là là thành viên hay nhân viên của công ty tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SHB trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác và phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.”</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 41 Luật Các TCTD 2024.
126	<p>Điều 59 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>“1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ SHB trong việc quản trị, điều hành SHB; chịu trách</p>	<p>Điều 59 <u>58</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ <u>Nhiệm vụ, quyền hạn</u> của Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>“1. <u>Giám sát hoạt động quản trị, điều hành SHB trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, và Điều lệ SHB và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 52 và Điểm t Khoản 3 Điều 67 Luật Các TCTD 2024

<p>nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban kiểm soát; Định kỳ hàng năm xem xét lại Quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.</p> <p>3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành SHB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</p> <p>5. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>6. Chỉ đạo, điều hành bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ trong đó bao gồm hệ thống nhận dạng và quản lý rủi ro; phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin báo cáo tài chính và thông tin quản lý; các quy trình, quy định nội bộ của SHB.</p> <p>7. Định kỳ thông báo Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ; đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.</p> <p>8. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của SHB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>9. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi thấy cần thiết hoặc theo</p>	<p><u>Hội đồng quản trị</u>, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ này.</p> <p>2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; Định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo quy định nội bộ của SHB về kế toán, báo cáo.</p> <p>3. Tổ chức thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý trị, điều hành SHB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có quyền sử dụng các nguồn lực của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.</p> <p>4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</p> <p>5. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>6. Định kỳ hàng năm, chỉ đạo bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của SHB. Chỉ đạo, điều hành bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ trong đó bao gồm hệ thống nhận dạng và quản lý rủi ro; phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin báo cáo tài chính và thông tin quản lý; các quy trình, quy định nội bộ của SHB.</p> <p>7. Định kỳ thông báo Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ; đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.</p> <p>7. Ban hành Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; ban hành phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng giám đốc và thống nhất với Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>8. Giám sát thực trạng tài chính, Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của SHB; bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	
--	---	--

<p>ng nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của SHB.</p> <p>10. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ SHB của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>11. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ngân hàng, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</p> <p>12. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>13. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Điều lệ này hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>14. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của SHB.</p> <p>15. Định kỳ hàng năm, Ban kiểm soát phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về hệ thống kiểm soát</p>	<p>9. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của SHB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hàng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.</p> <p>11. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu hác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi <u>xét thấy cần thiết hoặc trong trường hợp sau đây</u>:</p> <p>a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn, hoặc phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của SHB.</p> <p>12. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành SHB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của SHB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ SHB của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>10- 13. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của SHB, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ngân hàng, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</p> <p>11- 14. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>15. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật Luật Các TCTD, của Điều lệ này</p>	
---	--	--



Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.</p> <p>16. Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng giám đốc và thống nhất với Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>17. Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, Kiểm toán nhà nước, Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>18. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>19. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan."</p>	<p>hoặc vượt quá thẩm quyền được giao <u>hoặc</u> và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>12. 16. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 10, 12 và 15 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD.</p> <p>13. 17. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của SHB.</p> <p>14. Định kỳ hàng năm, Ban kiểm soát phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.</p> <p>15. Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng giám đốc và thống nhất với Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>16. 18. Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, Kiểm toán nhà nước, Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>19. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <u>quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</u></p> <p>18. 20. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan".</p>	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
127	<p>Khoản 1 Điều 60 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p><i>"1. Trưởng ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau.</i></p> <p><i>a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này.</i></p> <p><i>b) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề quan tâm của tất cả thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.</i></p> <p><i>c) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.</i></p> <p><i>d) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.</i></p> <p><i>e) Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.</i></p> <p><i>f) Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, nếu ý kiến của mình khác với các</i></p>	<p>Khoản 1 Điều 60 <u>59</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p><i>"1. Trưởng ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau.</i></p> <p><i>a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 59 <u>58</u> Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</i></p> <p><i>b) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề quan tâm của tất cả thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu <u>Triệu</u> tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.</i></p> <p><i>c) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.</i></p> <p><i>d) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại <u>Khoản 15</u> Điều <u>33</u> <u>58</u> Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.</i></p> <p><i>e) Tham dự e cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.</i></p> <p><i>f) Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, nếu ý kiến của mình khác với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p><i>g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc <u>của Ban kiểm soát</u> và phân công nhiệm vụ <u>cu thể</u> cho mỗi từng thành viên Ban kiểm soát.</i></p> <p><i>h) Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.</i></p> <p><i>i) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</i></p> <p><i>j) <u>Chỉ được ủy</u> Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện <u>quyền, nghĩa vụ</u> nhiệm vụ của mình <u>Trưởng ban kiểm soát</u> trong thời gian vắng mặt <u>hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ</u>.</i></p> <p><i>k) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật."</i></p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 53 Luật Các TCTD 2024.</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi/bổ sung
	<p>ngợi quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>h) Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.</p> <p>i) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>j) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.</p> <p>k) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật."</p>		
128	<p>Khoản 2 Điều 60 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>"2. Thành viên Ban Kiểm soát trong phạm vi công việc được phân công có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau:</p> <p>a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy</p>	<p>Khoản 2 Điều 60 <u>59</u> (Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>"2. Thành viên Ban Kiểm soát trong phạm vi công việc được phân công có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau:</p> <p>a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của SHB và của cổ đông. <u>Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của SHB, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của</u></p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 53 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của SHB và của cổ đông.</p> <p>b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>c) Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.</p> <p>d) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p> <p>e) Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của SHB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>f) Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.</p> <p>g) Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</p> <p>h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật."</p>	<p><u>tổ chức tín dụng và của cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</u></p> <p>b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm <u>một thành viên Ban kiểm soát làm</u> Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>c) Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.</p> <p>d) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p> <p>e) Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành SHB.</p> <p>e) f) <u>Yêu cầu người quản lý, người điều hành, Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của SHB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</u></p> <p>f) g) Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường <u>của SHB</u> và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.</p> <p>g) h) <u>Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</u></p> <p>h) <u>l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật."</u></p>	

Stt.	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
129	<p>Điều 61 (Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>"1. Các tài liệu sau được gửi thành viên Ban Kiểm soát cùng thời Điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị:</p> <p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo.</p> <p>b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do SHB phát hành</p> <p>2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa Điểm khác; có quyền đến địa Điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Ngân hàng trong giờ làm việc.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SHB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, phải bảo đảm rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời Điểm cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị."</p>	<p>Điều 64 60 (Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>"1. Các tài liệu sau cần phải được gửi cho thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị:</p> <p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo.</p> <p>b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do SHB phát hành.</p> <p>d) Các tài liệu khác theo yêu cầu của Ban Kiểm soát liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SHB.</p> <p><u>2. Tất cả các tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát tại Khoản 1 nêu trên phải bảo đảm đầy đủ, chính xác và kịp thời vào cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc ngay sau khi được Ban kiểm soát yêu cầu. Phương thức gửi tài liệu cho Ban kiểm soát như gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị.</u></p> <p>2.3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Ngân hàng trong giờ làm việc.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SHB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, phải bảo đảm rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị."</p>	<p>Sửa để phù hợp với thực tế hoạt động.</p>
130	<p>Điều 62 (Thay thế thành viên Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>"1. Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 42, Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi</p>	<p>Điều 62 61 (Thay thế thành viên Ban Kiểm soát) quy định:</p> <p>"1. Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 42 41, Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay</p>	<p>Bỏ Khoản 6 Điều này do đã quy định tại Khoản 5 Điều 58 (sau khi sửa là Điều 57) Điều lệ này.</p>

<p>nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Trường hợp các hành vi, quyết định của Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho SHB thì Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm một, một số hoặc toàn bộ các thành viên của Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.</p> <p>3. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm soát.</p> <p>4. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát thay thế theo quy định hiện hành.</p> <p>5. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.</p> <p>6. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ SHB, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>7. Trong các trường hợp khác, phiên họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu."</p>	<p>đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Trường hợp các hành vi, quyết định của Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho SHB thì Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm một, một số hoặc toàn bộ các thành viên của Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.</p> <p>3. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm soát.</p> <p>4. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát thay thế theo quy định hiện hành.</p> <p>5. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.</p> <p>6. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ SHB, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>7. 6. Trong các trường hợp khác, phiên cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu."</p>	
--	--	--

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
131	Khoản 1 Điều 63 (Hợp Ban Kiểm soát) quy định: “1. Phiên họp thường kỳ: Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát”	Khoản 1 Điều 63 62 (Hợp Ban Kiểm soát) quy định: “1. Phiên <u>Cuộc</u> họp thường kỳ: Ban kiểm soát phải họp thường kỳ hàng quý ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát”	Sửa để phù hợp với thực tế hoạt động.
132	Điều 64 (Thù lao và lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát) quy định: “1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. 2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của SHB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của SHB.”	Điều 64 63 (Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát) quy định: “1. <u>Đại hội đồng cổ đông quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát</u> Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. 2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của SHB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của SHB.”	Sửa để phù hợp với quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 67 Luật Các TCTD 2024.
133	Điều 65 (Trách nhiệm cân trọng) quy định: “Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng SHB có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các	Điều 65 64 (Trách nhiệm cân trọng) quy định: “Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, và Kế toán trưởng SHB và người điều hành khác của SHB có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban ủy ban, bộ phận giúp việc của Hội đồng Quản trị một cách trung thực và	Sửa để phù hợp với thực tế hoạt động.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của SHB và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự."	theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của SHB và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự."	
134	<p>Điều 66 (Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi) quy định:</p> <p>"Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng SHB có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình trung thực và tránh các xung đột về lợi ích:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông SHB. 2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SHB và của cổ đông. 3. Trung thành với lợi ích của SHB; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SHB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SHB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của SHB và của cổ đông. 4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của SHB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước. 5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng và xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hiệu quả. 6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích 	<p>Điều 66 <u>65</u> (Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi) quy định:</p> <p>"Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và <u>Kế toán trưởng SHB và người điều hành khác của SHB</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình trung thực và tránh các xung đột về lợi ích:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, <u>Nghị nghị quyết, quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông SHB. 2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SHB và của cổ đông <u>SHB</u>. 3. Trung thành với lợi ích của SHB; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SHB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SHB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của SHB và của cổ đông <u>SHB</u>. 4. <u>Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các TCTD.</u> 4. <u>5.</u> Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của SHB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước. 5. <u>6.</u> Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng và xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hiệu quả. 6. <u>7.</u> Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng và chỉ được tham gia vào các giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận. 7. <u>8.</u> Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Ngân hàng. 	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 48 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>của Ngân hàng và chỉ được tham gia vào các giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Ngân hàng.</p> <p>8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ.</p> <p>9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>8- 9. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ.</p> <p><u>10. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.</u></p> <p>9- 11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”</p>	
135	<p>Điều 67 (Trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan) quy định:</p> <p>“1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của SHB phải công khai với SHB các thông tin sau đây:</p> <p>a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ, những người có liên quan của họ đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc uỷ quyền, uỷ thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.</p> <p>b) Doanh nghiệp mà họ, những người có liên quan của họ đang là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc) bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Việc công khai các lợi ích theo quy định tại Khoản 1 Điều này và việc thay đổi các lợi ích liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi lợi ích.</p>	<p>Điều 67 66 (Trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan <u>cung cấp, công bố công khai thông tin</u>) quy định:</p> <p>“1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của SHB phải công khai với <u>cung cấp cho</u> SHB các thông tin sau đây:</p> <p>a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ, những người có liên quan của họ đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc uỷ quyền, uỷ thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.</p> <p>b) Doanh nghiệp mà họ, những người có liên quan của họ đang là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc) bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Việc công khai các lợi ích theo quy định tại Khoản 1 Điều này và việc thay đổi các lợi ích liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi lợi ích.</p> <p>3. Việc công khai các lợi ích theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thông báo định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của SHB và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.</p> <p>4. SHB phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức tin dụng nhận được thông tin công khai theo quy định tại Khoản 2 Điều này.”</p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 49 Luật Các TCTD 2024.</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi/bổ sung
	<p>3. Việc công khai các lợi ích theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thông báo định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của SHB và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của SHB.</p> <p>4. SHB phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức tín dụng nhận được thông tin công khai theo quy định tại Khoản 2 Điều này.”</p>	<p><u>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;</u></p> <p><u>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);</u></p> <p><u>c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</u></p> <p><u>d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</u></p> <p><u>2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SHB phải cung cấp cho SHB các thông tin sau đây:</u></p> <p><u>a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;</u></p> <p><u>b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này;</u></p> <p><u>c) Số lương, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại SHB;</u></p> <p><u>d) Số lương, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại SHB</u></p> <p><u>3. Đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải gửi SHB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. Đối với thông tin tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho SHB khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của SHB đó so với lần cung cấp liền trước.</u></p> <p><u>4. SHB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của SHB và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SHB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm,</u></p>	

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
		<p><u>SHB công bố thông tin quy định tại các Điểm a, b, d Khoản 1 và các Điểm a, c, d Khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của SHB.</u></p> <p><u>5. SHB phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SHB và thông tin quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của SHB trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SHB nhận được thông tin cung cấp."</u></p>	
136	<p>Điều 68 (Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận) quy định:</p> <p>"1. Hợp đồng, giao dịch giữa SHB với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận (trừ các giao dịch cho vay theo quy định tại Điều 127, 128 Luật các tổ chức tín dụng):</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện được uỷ quyền của cổ đông sở hữu từ 35% tổng số cổ phần phổ thông của SHB trở lên và những người liên quan của họ.</p> <p>b) Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc và những người có liên quan.</p> <p>c) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 1, Điều 67 Điều lệ này.</p> <p>2. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của SHB (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số biểu quyết còn lại đồng ý.</p> <p>3. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có của SHB (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng Quản trị có liên</p>	<p>Điều 68 67 (Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận) quy định:</p> <p>"1. Hợp đồng, giao dịch giữa SHB với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận (trừ các giao dịch cho vay theo quy định tại Điều 127, 128 Luật các tổ chức tín dụng):</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện được theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu từ 35 <u>05%</u> tổng số cổ phần phổ thông của SHB trở lên và những người liên quan của họ.</p> <p>b) Thành viên Hội đồng Quản trị, <u>thành viên</u> Ban Kiểm soát, hoặc Tổng Giám đốc và những người có liên quan <u>của họ</u>.</p> <p>c) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 21, Điều <u>164</u> Luật Doanh nghiệp 67 Điều lệ này.</p> <p>2. Đối với hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này có giá trị lớn hơn từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có vốn Điều lệ <u>trở lên</u> của SHB (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được <u>thông qua</u> chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số biểu quyết còn lại đồng ý <u>theo quy định tại Điều 37 Điều lệ này</u>.</p> <p>3. Đối với hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều này có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn <u>dưới</u> 20% (hai mươi phần trăm) vốn tự có vốn điều lệ của SHB (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.</p> <p>4. Trường hợp, hợp đồng, giao dịch được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều này thì hợp đồng, giao dịch</p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, có điều chỉnh để phù hợp, đồng bộ với các quy định liên quan của Luật Các TCTD 2024 (Khoản 8 Điều 4; Điểm r Khoản 3 Điều 67; Khoản 9 Điều 70 Luật Các TCTD).</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.</p> <p>4. Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho SHB phải có trách nhiệm bồi thường."</p>	<p>đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho SHB phải có trách nhiệm bồi thường."</p>	
137	<p>Khoản 1, Khoản 2 Điều 69 (Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường) quy định:</p> <p>"1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực và cẩn trọng theo quy định tại Điều 65, Điều 66 Điều lệ này sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Bồi thường: Ngân hàng sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Ngân hàng) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Điều hành, cán bộ nhân viên hoặc là đại diện được Ngân hàng (hay công ty con của Ngân hàng) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Ngân hàng (hay công ty con của Ngân hàng) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Điều hành, cán bộ nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các Khoản tiền phạt, các Khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết</p>	<p>Bỏ hai khoản này</p>	<p>Bỏ hai khoản này do nội dung này được ghi nhận, tham khảo theo Điều 43 Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Quyết định 383/2002/QĐ-NHNN. Quyết định này <u>đã hết hiệu lực từ ngày 25/4/2010.</u></p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Ngân hàng, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. SHB có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên."		
138	Khoản 3 Điều 69 (Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường) quy định: "3. Xử lý tổn thất về tài sản: Khi SHB bị tổn thất về tài sản, việc xác định nguyên nhân, trách nhiệm, mức bồi thường, thẩm quyền quyết định mức bồi thường thực hiện theo quy định tại Nội quy lao động và quy định nội bộ của SHB."	Khoản 3 Điều 69 68 (Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường Xử lý tổn thất về tài sản) quy định: "3. Xử lý tổn thất về tài sản: Khi SHB bị tổn thất về tài sản, việc xác định nguyên nhân, trách nhiệm, mức bồi thường, thẩm quyền quyết định mức bồi thường thực hiện theo quy định tại Nội quy lao động và quy định nội bộ của SHB."	Sửa để cập nhật do đã xóa bỏ Khoản 1, 2 Điều này.
139	Điều 70 (Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ) quy định: "1. Cổ đông lớn được quyền, trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của SHB và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở chính của SHB và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. 2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra sổ sách kế toán, sổ đăng ký cổ đông, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của SHB vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật."	Điều 70 69 (Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ) quy định: "1. Cổ đông lớn được quyền, trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của SHB và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở chính của SHB và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. 1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra sổ sách kế toán, sổ đăng ký cổ đông, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của SHB vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 2 SHB sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung của nó, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh <u>doanh nghiệp</u> , các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của Kiểm toán độc lập xác nhận, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa	Sửa để phù hợp với thực tế.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi/bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi/bổ sung
	<p>3. SHB sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung của nó, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của Kiểm toán độc lập xác nhận, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được một bản sao Điều lệ này miễn phí. Điều lệ của SHB cũng được công bố trên website: www.shb.com.vn.”</p>	<p>bản hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được một bản sao Điều lệ này miễn phí. Điều lệ của SHB cũng được công bố trên website: www.shb.com.vn.”</p>	
140	<p>Điều 71 (Người lao động và Công đoàn) quy định:</p> <p>“Tổng Giám đốc sẽ phải xây dựng Quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của SHB cũng như quan hệ của SHB với tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất để báo cáo Hội đồng Quản trị thông qua.”</p>	Bỏ điều này	Bỏ điều này do nội dung này được ghi nhận, tham khảo theo Điều 64 Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Quyết định 383/2002/QĐ-NHNN. Quyết định này <u>đã hết hiệu lực từ ngày 25/4/2010.</u>
141	<p>Điều 75 (Kiểm toán độc lập) quy định:</p> <p>“1. Trước khi kết thúc năm tài chính, trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.</p> <p>2. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, SHB phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước tổ chức kiểm toán được lựa chọn.</p>	<p>Điều 75 <u>73</u> (Kiểm toán độc lập) quy định:</p> <p>“1. <u>Trước khi kết thúc năm tài chính, SHB phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo. Trước khi kết thúc năm tài chính, trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.</u></p> <p>2. Trong vòng <u>thời hạn</u> 30 ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, SHB phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước tổ chức kiểm toán được lựa chọn.”</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	3. SHB phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.”	3. SHB phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.”	
142	<p>Điều 76 (Hệ thống Kiểm toán và Kiểm tra, kiểm soát nội bộ) quy định:</p> <p>“1. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ</p> <p>a) Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của SHB được thiết lập phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro và đạt được các mục tiêu đã đặt ra.</p> <p>b) SHB phải xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ để thực hiện các mục tiêu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực; - Bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; - Bảo đảm tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ. <p>c) Hoạt động hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của SHB phải được bộ phận kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.</p> <p>2. Kiểm toán nội bộ</p> <p>a) SHB phải thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ chuyên trách trực thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ Ngân hàng.</p> <p>b) Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng; đưa ra các kiến nghị nhằm nâng</p>	<p>Điều 76 <u>74</u> (Hệ thống Kiểm toán và Kiểm tra, kiểm soát nội bộ) quy định:</p> <p>“1. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ</p> <p>a) Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của SHB được thiết lập phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro và đạt được các mục tiêu đã đặt ra.</p> <p>b) SHB phải xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ để thực hiện các mục tiêu đảm bảo các yêu cầu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực; - Bảo đảm hệ <u>Hệ</u> thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; - Bảo đảm tuân <u>Tuân</u> thủ pháp luật và các <u>cơ chế, chính sách, quy chế, quy trình, quy định nội bộ.</u> <p>c) <u>Hoạt động hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của SHB phải được bộ phận kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ. SHB xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p>2. Kiểm toán nội bộ</p> <p>a) SHB phải thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ <u>chuyên trách</u> trực thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ Ngân hàng.</p> <p>b) Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các <u>cơ chế, chính sách, quy trình, quy định, chính sách nội bộ của SHB, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng;</u> đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần bảo đảm SHB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 57, 58 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần bảo đảm SHB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.</p> <p>c) Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc của SHB.”</p>	<p>c) Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho <u>Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc của SHB.</u>”</p>	
143	<p>Điều 77 (Sử dụng vốn) quy định:</p> <p>“1. SHB được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo các tỷ lệ do pháp luật quy định.</p> <p>2. SHB được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty con, công ty thành viên của SHB được thực hiện tuân thủ các quy định của Pháp luật.”</p>	<p>Điều 77 <u>75</u> (Sử <u>Vốn</u> và sử dụng vốn) quy định:</p> <p>““<u>1. Vốn của SHB bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>2. SHB được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của Luật Các TCTD và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u></p> <p><u>3. SHB được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán.</u> SHB được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo các tỷ lệ do pháp luật quy định.</p> <p>2. <u>4. SHB được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>3. <u>5. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty con, công ty thành viên của SHB được thực hiện tuân thủ các được thực hiện theo quy định nội bộ của SHB trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật.</u>”</p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 144 Luật Các TCTD 2024.</p>
144	<p>Điều 78 (Các quỹ) quy định:</p> <p>“1. Hằng năm SHB phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ dự trữ sau đây:</p> <p>a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp được trích hằng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ, vốn được cấp của SHB.</p> <p>b) Quỹ dự phòng tài chính.</p> <p>c) Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ.</p> <p>d) Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.</p>	<p>Điều 78 <u>76</u> (Giao <u>Phân phối lợi nhuận và các quỹ</u>) quy định:</p> <p>“1. Phần lợi nhuận còn lại của SHB sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ.</p> <p>1. <u>2. Hằng năm, SHB phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ dự trữ sau đây:</u></p> <p>a) <u>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp được trích hằng năm theo tỷ lệ 5</u> 10% <u>lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ, vốn được cấp của SHB.</u></p> <p>b) <u>Quỹ dự phòng tài chính.</u></p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 148 Luật Các TCTD 2024.</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>e) Quỹ khen thưởng.</p> <p>f) Quỹ phúc lợi.</p> <p>2. SHB không được dùng các quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này để trả cổ tức cho cổ đông."</p>	<p>c) Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ.</p> <p>d) Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.</p> <p>e) Quỹ khen thưởng.</p> <p>f) Quỹ phúc lợi.</p> <p>g) Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p><u>3. SHB quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>2. SHB không được dùng các quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này để trả cổ tức cho cổ đông."</p>	
145	<p>Điều 80 (Các báo cáo của SHB) quy định:</p> <p>"1. Báo cáo tài chính hàng năm của SHB được lập theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của Điều lệ này. SHB phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Ngân hàng cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Ngân hàng là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Ngân hàng và các đơn vị trực thuộc vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3. SHB phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy</p>	<p>Điều 80 78 (Các báo <u>Báo</u> cáo của SHB) quy định:</p> <p><u>" 1. SHB phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê.</u></p> <p><u>2. SHB phải báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><u>3. Ngoài báo cáo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, SHB có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a) Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của SHB;</u></p> <p><u>b) Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của SHB; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông lớn;</u></p> <p><u>c) Thay đổi tên chi nhánh của SHB; tạm ngừng giao dịch dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.</u></p> <p><u>4. Công ty con, công ty liên kết của SHB có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.</u></p> <p><u>5. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, SHB phải gửi báo cáo hàng năm cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật."</u></p> <p>"1. Báo cáo tài chính hàng năm của SHB được lập theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của Điều lệ này. SHB phải nộp báo cáo tài chính hàng năm</p>	Sửa điều này để phù hợp với quy định tại Điều 152 Luật Các TCTD.

<p>ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Đồng thời, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Ngân hàng phải được công bố trên website của Ngân hàng.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Ngân hàng, tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p> <p>6. SHB phải báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của SHB.</p> <p>b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của SHB.</p> <p>c) Thay đổi tên chi nhánh của SHB; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc.</p> <p>d) Công ty con, công ty liên kết của SHB có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.</p> <p>7. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, SHB phải có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Báo cáo Ngân hàng Nhà nước các thay đổi liên quan đến cơ cấu, phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của SHB trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi.</p>	<p>cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Ngân hàng cho đến thời Điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Ngân hàng là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Ngân hàng và các đơn vị trực thuộc vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3. SHB phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Đồng thời, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Ngân hàng phải được công bố trên website của Ngân hàng.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Ngân hàng, tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p> <p>6. SHB phải báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của SHB.</p> <p>b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của SHB.</p> <p>c) Thay đổi tên chi nhánh của SHB; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc.</p> <p>d) Công ty con, công ty liên kết của SHB có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.</p> <p>7. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, SHB phải có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Báo cáo Ngân hàng Nhà nước các thay đổi liên quan đến cơ cấu, phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của SHB trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi.</p>	
---	--	--

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>8. Báo cáo các trường hợp chuyển nhượng cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc, đính kèm các văn bản liên quan của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng cổ phần bắt buộc.</p> <p>9. SHB báo cáo Ngân hàng Nhà nước tình hình cơ cấu cổ đông, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại thời Điểm 30/6 và 31/12 và hàng năm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập báo cáo"</p>	<p>8. Báo cáo các trường hợp chuyển nhượng cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc, đính kèm các văn bản liên quan của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng cổ phần bắt buộc.</p> <p>9. SHB báo cáo Ngân hàng Nhà nước tình hình cơ cấu cổ đông, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại thời Điểm 30/6 và 31/12 và hàng năm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập báo cáo"</p>	
146	<p>Điều 81 (Công bố thông tin và thông báo ra công chúng) quy định:</p> <p>"SHB phải công bố ra công chúng các báo cáo tài chính hàng năm và tài liệu bổ trợ khác theo những quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nộp cho Ngân hàng Nhà nước, cơ quan thuế hữu quan, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật."</p>	<p>Điều 81- 79 (Công bố thông tin và thông báo ra công chúng) quy định:</p> <p>"Việc công bố thông tin của SHB thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD, pháp luật về chứng khoán và pháp luật khác có liên quan. SHB phải công bố ra công chúng các báo cáo tài chính hàng năm và tài liệu bổ trợ khác theo những quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nộp cho Ngân hàng Nhà nước, cơ quan thuế hữu quan, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật."</p>	Sửa theo hướng ghi nhận chung để đảm bảo tính khái quát, do SHB vừa là TCTD vừa là công ty đại chúng, nên việc công bố thông tin của SHB sẽ phải thực hiện theo Luật Các TCTD và Luật Chứng khoán.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
147	<p>Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 84 (Chấm dứt hoạt động, giải thể và thanh lý) quy định:</p> <p>"1. SHB chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của SHB.</p> <p>b) Toà án tuyên bố Ngân hàng phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Ngân hàng giải thể trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>b) Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy phép.</p> <p>3. Ngân hàng chỉ giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các Khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác.</p> <p>4. Quyết định giải thể SHB phải do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quy định của pháp luật."</p>	<p>Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 84 <u>82</u> (Chấm dứt hoạt động, giải thể và thanh lý) quy định:</p> <p>"1. <u>SHB Ngân hàng giải thể, chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</u></p> <p><u>a) Ngân hàng không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.</u></p> <p><u>b) Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.</u></p> <p><u>c) Ngân hàng tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</u></p> <p><u>d) Ngân hàng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.</u></p> <p>a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của SHB.</p> <p>b) Toà án tuyên bố Ngân hàng phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Ngân hàng giải thể trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>b) Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy phép.</p> <p>3. Ngân hàng chỉ giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các Khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác.</p> <p>4. Quyết định giải thể SHB phải do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quy định của pháp luật."</p>	<p>Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 202 Luật Các TCTD 2024.</p>

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
148	<p>Khoản 6, 7 Điều 84 (Chấm dứt hoạt động, giải thể và thanh lý) quy định:</p> <p>"6. Trong trường hợp Ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>7. Khi giải thể theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Ngân hàng Nhà nước quy định."</p>	<p>Khoản 6, 7 3 Điều 84 <u>82</u> (Chấm dứt hoạt động, giải thể và thanh lý) quy định:</p> <p><u>"3. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.</u></p> <p>6. Trong trường hợp Ngân hàng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>7. Khi giải thể theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Ngân hàng Nhà nước quy định."</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 204 Luật Các TCTD 2024.
149	<p>Điều 86 (Giải quyết tranh chấp nội bộ) quy định:</p> <p>"1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của SHB, quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này hay các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa (i) Cổ đông với SHB hoặc (ii) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay các thành viên khác của Ban Điều hành; Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên</p>	<p>Điều 86 84 (Giải quyết tranh chấp nội bộ) quy định:</p> <p>"1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của SHB, quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này hay các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa (i) Cổ đông với SHB hoặc (ii) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay <u>người điều hành khác của SHB</u> các thành viên khác của Ban Điều hành; Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên</p> <p>3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án."</p>	Sửa để phù hợp với thực tế hoạt động.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
	<p>chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.</p> <p>3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án."</p>		
150	<p>Điều 87 (Thông tin) quy định:</p> <p>"1. SHB cung cấp thông tin cho chủ tài Khoản về những giao dịch và số dư trên tài Khoản của họ tại SHB theo thỏa thuận với chủ tài Khoản.</p> <p>2. SHB được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng.</p> <p>3. SHB có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho Ngân hàng Nhà nước về tình hình hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với SHB theo quy định của Ngân hàng nhà nước."</p>	<p>Điều 87 <u>85</u> (Thông <u>Cung cấp thông tin</u>) quy định:</p> <p>"1. SHB cung cấp thông tin cho chủ tài Khoản <u>thông tin về những giao dịch và số dư trên tài Khoản của họ tại SHB theo thỏa thuận với chủ tài Khoản.</u></p> <p>2. SHB được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng, <u>chi nhánh ngân hàng nước ngoài</u> khác về hoạt động ngân hàng.</p> <p>3. SHB có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho Ngân hàng Nhà nước <u>thông tin liên quan đến</u> về tình hình hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với SHB theo quy định của <u>Thống đốc</u> Ngân hàng nhà nước.</p> <p>4. <u>Khi thực hiện giao dịch với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, khách hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó."</u></p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 12 Luật Các TCTD 2024.
151	<p>Điều 88 (Bảo mật thông tin) quy định:</p> <p>"1. Nhân viên, người quản lý, người điều hành của SHB và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật kinh doanh của SHB.</p> <p>2. SHB phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài Khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại SHB.</p> <p>3. SHB không được cung cấp thông tin liên quan đến tài Khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại SHB cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng."</p>	<p>Điều 88 <u>86</u> (Bảo mật thông tin) quy định:</p> <p>"1. Nhân viên, người <u>Người</u> quản lý, người điều hành, <u>nhân viên</u> của SHB và những người có liên quan không được tiết lộ <u>thông tin khách hàng</u>, bí mật kinh doanh của SHB.</p> <p>2. SHB phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài Khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại SHB <u>khách hàng của SHB theo quy định của Chính phủ</u>.</p> <p>3. SHB không được cung cấp thông tin liên quan đến tài Khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại SHB <u>khách hàng của SHB</u> cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng."</p>	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 13 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
152	Không quy định	<p><u>Điều 88 (Hiệu lực thi hành) quy định:</u></p> <p><u>"1. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày.....tháng.....năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, trừ quy định tại Khoản 2 Điều này.</u></p> <p><u>2. Điều 15 Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua."</u></p>	<p>Bổ sung điều khoản về hiệu lực phù hợp với hiệu lực của Luật Các TCTD 2024 (Khoản 1 Điều 209).</p> <p><u>Ghi chú:</u></p> <p>Riêng điều khoản về vốn điều lệ (Điều 15) sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua, cập nhật vốn điều lệ thực tế.</p>
153	Không quy định	<p><u>Khoản 1 Điều 89 (Quy định chuyển tiếp) quy định:</u></p> <p><u>"1. Đối với kỳ phiếu, tín phiếu đã phát hành còn số dư đến ngày 01/7/2024, SHB và người mua kỳ phiếu, tín phiếu tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết kỳ phiếu, tín phiếu"</u></p>	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 210 Luật Các TCTD 2024.
154	Không quy định	<p><u>Khoản 2 Điều 89 (Quy định chuyển tiếp) quy định:</u></p> <p><u>"2. Đối với việc tiếp tục đảm nhiệm chức vụ, nhiệm kỳ:</u></p> <p><u>a) Chủ tịch, Thành viên khác của HĐQT được bầu, bổ nhiệm trước ngày 01/7/2024 mà không đáp ứng quy định tại Khoản 1, 6 Điều 41 và Điều 45 Điều lệ này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</u></p> <p><u>b) Thành viên Ban kiểm soát được bầu, bổ nhiệm trước ngày 01/7/2024 mà không đáp ứng quy định tại Khoản 1, 6 Điều 41 và Khoản 7 Điều 57 Điều lệ này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</u></p> <p><u>c) Tổng Giám đốc được bổ nhiệm trước ngày 01/7/2024 mà không đáp ứng quy định tại Khoản 1, 6 Điều 41 và Khoản 3 Điều 53 Điều lệ này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bổ nhiệm.</u></p> <p><u>d) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty con được bổ nhiệm trước ngày 01/7/2024 mà không đáp ứng quy định tại Khoản 1, 2, 3, 6 Điều 41 Điều lệ này và Khoản 5 Điều 41 Luật Các TCTD được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bổ nhiệm.</u></p>	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 8 Điều 210 Luật Các TCTD 2024.

Stt	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung
		<p><u>e) Hội đồng quản trị của SHB được bầu trước ngày 01/7/2024 mà không đáp ứng quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 43 Điều lệ này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>f) Đến ngày 01/7/2024, trường hợp Ban kiểm soát SHB có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 57 Điều lệ này, Ban kiểm soát SHB được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/OH12 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/OH14) cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp SHB bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát."</u></p>	
155	Không quy định	<p><u>Khoản 3 Điều 89 (Quy định chuyển tiếp) quy định:</u></p> <p><u>"3. Kể từ ngày 01/7/2024, cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu."</u></p>	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 11 Điều 210 Luật Các TCTD 2024.

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI
(Kèm theo Tờ trình số 04 / TTr-HĐQT của Hội đồng Quản trị SHB ngày 29 tháng 03 năm 2024)

Khoản, Điều	Quy chế đã được ban hành theo quyết định số 83/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 3 Điều 5	Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp	Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ SHB thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ SHB, gây thiệt hại cho SHB thì cổ đông của SHB có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên theo quy định của Luật Doanh nghiệp	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Điều 151, Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020.
Khoản 1 Điều 7	Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 67 Luật các TCTD 2024.
Khoản 4 Điều 7	Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản các vấn đề sau:.. b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ SHB. c) Phê chuẩn Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.... g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của SHB... i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán..." m) Quyết định thành lập công ty con; ...	Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản các vấn đề sau:.. b) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ SHB. c) Thông qua Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.... g) Quyết định cơ cấu tổ chức, quản lý của SHB... i) Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán... k) Thông qua phương án quy định tại Điều 143 Luật Các TCTD; m) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của SHB; o) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Điều 67, Điều 143 Luật các TCTD 2024 và Khoản 1 Điều 31 Dự thảo Điều lệ SHB 2024. Ngoài ra, bổ sung nội dung "Phê duyệt, thông qua các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ SHB" để đảm bảo tính bao quát.

Khoản, Điều	Quy chế đã được ban hành theo quyết định số 83/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>n) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;"</p> <p>o) Quyết định đầu tư, giao dịch mua bán tài sản của SHB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;"</p> <p>p) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SHB với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ; công ty con, công ty liên kết của SHB</p> <p>s) Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng theo đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát"</p>	<p>của SHB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>p) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SHB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>q) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SHB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của SHB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của SHB; công ty con, công ty liên kết của SHB, trừ trường hợp SHB đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;</p> <p>t) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 của Luật Các TCTD;</p> <p>u) Phê duyệt, thông qua các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ SHB.</p>	
Điểm d Khoản 2 Điều 8	Trường hợp chương trình họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, thì trước khi tiến hành cuộc họp tối thiểu 30 ngày, Hội đồng Quản trị phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung, các điều kiện, tiêu chuẩn đối với từng chức danh để cổ đông đề cử người tham gia tranh cử theo đúng quy định của pháp luật	Trường hợp chương trình họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung, các điều kiện, tiêu chuẩn đối với từng chức danh để cổ đông đề cử người tham gia tranh cử theo đúng quy định của pháp luật	Chỉnh sửa để đảm bảo linh hoạt.
Khoản 2 Điều 9	Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông được phát một "Phiếu biểu quyết" do Ngân hàng phát hành. Khi tiến hành biểu quyết bằng Phiếu tại cuộc họp, sẽ thực hiện thu Phiếu biểu quyết tán thành trước, sau đó đến Phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Một Phiếu biểu quyết có thể được thiết kế dùng để biểu quyết cho nhiều	Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông được phát một "Phiếu biểu quyết" do Ngân hàng phát hành. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp	Chỉnh sửa để phù hợp với thực tế.

Khoản, Điều	Quy chế đã được ban hành theo quyết định số 83/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<i>vấn đề. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp</i>		
Khoản 3 Điều 9	<i>Cách thức kiểm phiếu: Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, ĐHĐCĐ tiến hành bầu Ban kiểm phiếu với số lượng không quá ba người. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa. Việc kiểm phiếu đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu vào từng thời điểm, ĐHĐCĐ thống nhất chỉ định một tổ chức trung lập để thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu. Tổ chức trung lập sẽ do HĐQT đề xuất</i>	<i>Cách thức kiểm phiếu: Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, ĐHĐCĐ tiến hành bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa</i>	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điểm d Khoản 2 Điều 36 Dự thảo Điều lệ SHB 2024.
Khoản 4 Điều 13	<i>Hội đồng Quản trị của SHB có tối thiểu 05 thành viên và tối đa 11 thành viên; số lượng thành viên cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là Thành viên HĐQT không điều hành và Thành viên HĐQT độc lập, trong đó có tối thiểu 01 Thành viên HĐQT độc lập. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là Thành viên HĐQT độc lập</i>	<i>Hội đồng Quản trị của SHB có tối thiểu 05 thành viên và tối đa 11 thành viên; số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của SHB</i>	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật các TCTD 2024 và Khoản 2 Điều 43 Dự thảo Điều lệ SHB 2024.
Khoản 5 Điều 13	<i>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc</i>	<i>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế thì nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc</i>	Chỉnh sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 69 Luật các TCTD 2024 và quy định tại Khoản 4 Điều 43 Dự thảo Điều lệ SHB 2024.
Điểm a Khoản 2 Điều 14	<i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị</i>	<i>Cổ đông phổ thông có quyền ứng cử vào Hội đồng Quản trị, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị</i>	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 9 Khoản 10 Điều 61 Luật các TCTD 2024 và quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 28 Dự thảo Điều lệ SHB 2024.

Khoản, Điều	Quy chế đã được ban hành theo quyết định số 83/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 3 Điều 14	<i>Cách thức bầu thành viên HĐQT Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia cho các ứng cử viên</i>	<i>Cách thức bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Quy chế này</i>	Chỉnh sửa để phù hợp, tránh trùng lặp vì đã được quy định tại Khoản 4 Điều 9 Dự thảo Quy chế.
Khoản 1 Khoản 2 Điều 15	<i>Toàn bộ Khoản 1 Khoản 2 Điều 15</i>	<i>Chỉnh sửa Khoản 1 Khoản 2 Điều 15 theo hướng ghi nhận nội dung tương tự từ Khoản 1 đến Khoản 9 Điều 49 Dự thảo Điều lệ SHB 2024</i>	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 5 Điều 72 Luật các TCTD 2024, Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020 và phù hợp quy định tại Điều 49 Dự thảo Điều lệ SHB 2024
Khoản 5 Điều 17	<i>Văn phòng Hội đồng Quản trị kiểm phiếu lấy ý kiến và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập hoặc thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có quyền lợi liên quan. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây</i>	<i>Văn phòng Hội đồng Quản trị kiểm phiếu lấy ý kiến và lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây</i>	Chỉnh sửa để phù hợp thực tế.
Khoản 1 Điều 19	<i>Hội đồng Quản trị phải thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự, và các Tiểu ban đặc biệt khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.</i>	<i>Hội đồng Quản trị phải thành lập tối thiểu 02 Ủy ban là: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình</i>	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 5 Điều 50 Luật Các TCTD 2024
Khoản 1 Điều 21	<i>Ban Kiểm soát có ít nhất 03 (ba) thành viên. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. Thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng</i>	<i>Ban Kiểm soát có ít nhất 05 (năm) thành viên. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định</i>	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Điều 51 Luật các TCTD 2024.

Khoản, Điều	Quy chế đã được ban hành theo quyết định số 83/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 2 Điều 21	Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm; nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc	Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm; nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Điều 51 Luật các TCTD 2024.
Khoản 3 Điều 21	Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định	Trường Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 60 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các TCTD	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Điều 51 Luật các TCTD 2024
Khoản 3 Điều 24	Hội đồng Quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc sau khi đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua và các hành viên khác trong Ban Điều hành căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh...	Hội đồng Quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc và các hành viên khác trong Ban Điều hành căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh...	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 4 Điều 70 Luật các TCTD 2024.
Điểm a Khoản 2 Điều 25	Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật; Phó Tổng Giám đốc SHB không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp đó là Công ty con của SHB; không được đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác	Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ và không thuộc đối tượng không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định của pháp luật; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ SHB không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ SHB là người quản lý, người điều hành công ty con của SHB hoặc của công ty mẹ của SHB	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 43 Luật các TCTD 2024
Khoản 1 Điều 28	Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT để thảo luận và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Đề nghị triệu tập phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể	Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT để thảo luận và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Đề nghị triệu tập phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị.	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Khoản, Điều	Quy chế đã được ban hành theo quyết định số 83/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với SHB; Người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT	Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với SHB; Người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT	
Điểm a Khoản 4 Điều 28	Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả	Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, khi phát hiện người quản lý, người điều hành SHB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của SHB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có)	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 8 Điều 52 Luật Các TCTD 2024
Khoản 1 Điều 38	Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2022"	Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Điều 210 Luật các TCTD 2024 và phù hợp thực tế.
Điều 38	Không có nội dung này	Bổ sung quy định về điều khoản chuyển tiếp ghi nhận tương tự nội dung tại Khoản 2 Điều 89 Dự thảo Điều lệ SHB 2024	Bổ sung để phù hợp quy định tại Khoản 8 Điều 210 Luật Các TCTD và Khoản 2 Điều 89 Dự thảo Điều lệ SHB 2024.

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ SHB
(Kèm theo Tờ trình số 04 / TTr-HĐQT của Hội đồng Quản trị SHB ngày 29 tháng 03 năm 2024)

Khoản, Điều	Quy chế đã được ban hành kèm theo Quyết định số 84/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
Khoản 1 Điều 4	Hội đồng quản trị SHB có tối thiểu 05 thành viên và tối đa 11 thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập	Hội đồng Quản trị của SHB có tối thiểu 05 thành viên và tối đa 11 thành viên; số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của SHB	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật các TCTD 2024.
Khoản 2 Điều 4	Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước	Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị SHB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 69 Luật các TCTD 2024
Khoản 4 Điều 4	Trường hợp cổ đông nước ngoài tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau: Tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Điều lệ SHB và của pháp luật có liên quan; a) Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của SHB; b) Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SHB; c) Không làm thành viên Hội đồng Quản trị quá 02 tổ	Bỏ quy định bên	Xóa bỏ do nội dung này được ghi nhận, tham khảo theo Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Quyết định 383/2002/QĐ-NHNN. Quyết định này đã hết hiệu lực từ ngày 25/4/2010.

Khoản, Điều	Quy chế đã được ban hành kèm theo Quyết định số 84/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>chức tín dụng tại Việt Nam</p> <p>d) Các quy định pháp luật có liên quan khác.</p>		
Khoản 5 Điều 4	Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định	Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, SHB phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 166 Luật Các TCTD	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 50 Luật các TCTD 2024
Điều 6	Toàn bộ Điều 6	Chỉnh sửa toàn bộ Điều 6 theo hướng ghi nhận nội dung tương tự từ Khoản 1 đến Khoản 13 Điều 49 Dự thảo Điều lệ SHB 2024	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 3,4,5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và để phù hợp quy định từ Khoản 1 đến Khoản 13 Điều 49 Dự thảo Điều lệ SHB 2024
Điều 7	Toàn bộ Điều 7	Chỉnh sửa toàn bộ Điều 7 theo hướng ghi nhận nội dung tương tự Khoản 14 Điều 49 Dự thảo Điều lệ SHB 2024	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 14 Điều 49 Dự thảo Điều lệ SHB năm 2024
Khoản 1 Điều 8	Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ thường trực (có mặt thường xuyên để kịp thời theo dõi và giải quyết công việc) để thực hiện chức năng quản trị Ngân hàng, xử lý công việc hàng ngày theo thẩm quyền quy định. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT có thể cử các thành viên HĐQT làm việc theo chế độ thường trực	Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT làm việc theo chế độ thường trực (có mặt thường xuyên để kịp thời theo dõi và giải quyết công việc) để thực hiện chức năng quản trị Ngân hàng, xử lý công việc hàng ngày theo thẩm quyền quy định và/hoặc theo phân công của Chủ tịch HĐQT từng thời kỳ. Trường hợp Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT vắng mặt	Chỉnh sửa để phù hợp với thực tế nhu cầu quản trị, giám sát.

Khoản, Điều	Quy chế đã được ban hành kèm theo Quyết định số 84/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<i>phải báo cáo Chủ tịch HĐQT bằng văn bản và đề xuất cách thức xử lý công việc khi vắng mặt</i>	
Khoản 29 Điều 10	Những vấn đề sau phải được Hội đồng Quản trị thông qua và không được áp dụng cơ chế ủy quyền quy định tại Khoản 28 Điều này: a) Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của SHB; b) Các khoản đầu tư không có trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư ngân sách vượt quá 10% kế hoạch tài chính ghi trong kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua	Xóa bỏ nội dung bên	Xóa bỏ nội dung bên do nội dung này được ghi nhận, tham khảo theo Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Quyết định 383/2002/QĐ-NHNN. Quyết định này đã hết hiệu lực từ ngày 25/4/2010.
Điều 10		Bổ sung một Khoản tại Điều 10 về “Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị”: Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Đối với hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% vốn điều lệ của SHB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, Hội đồng quản trị có thể ban hành quy định nội bộ để quy định nguyên tắc, phân cấp về thẩm quyền quyết định theo thực tế hoạt động trong từng thời kỳ	Chỉnh sửa để phù hợp với quy định tại Khoản 10, Điều 70 Luật các TCTD 2024 và quy định tại Khoản 9 Điều 44 Dự thảo Điều lệ SHB năm 2024.
Khoản 1 Điều 11	Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ quy định tại Khoản 5, Điều 42 Điều lệ SHB	Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ quy định tại Khoản 6, Điều 41 Điều lệ SHB	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 6, Điều 41 Dự thảo Điều lệ SHB năm 2024.

Khoản, Điều	Quy chế đã được ban hành kèm theo Quyết định số 84/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điểm a Khoản 2 Điều 11	Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị	Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Điều 71 Luật các TCTD 2024 và quy định tại Khoản 3 Dự thảo Điều lệ SHB năm 2024
Điểm b Khoản 2 Điều 11	Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị	Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị	
Điểm c Khoản 2 Điều 11	Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị	Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	
Điểm d Khoản 2 Điều 11	Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị	Giám sát, tổ chức giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	
Điểm g Khoản 2 Điều 11	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện bằng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Điểm h Khoản 2 Điều 11	Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung	Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công	
Điểm i Khoản 2 Điều 11	Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này	Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của các thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 10 Điều 71 Luật các TCTD 2024
Khoản 3 Điều 11	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng Quản	Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể	

Khoản, Điều	Quy chế đã được ban hành kèm theo Quyết định số 84/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng vắng mặt thì Chủ tịch có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị	thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị	
Điều 12	Không có nội dung này	Bổ sung một Khoản tại Điều 12 về “Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị”: Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các Khoản 1, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13 và 17 Điều 44 của Điều lệ SHB	Bổ sung để phù hợp quy định tại Khoản 5 Điều 72 Luật các TCTD 2024 và để phù hợp quy định tại Khoản 5 Điều 47 Dự thảo Điều lệ SHB 2024
Điều 17	Toàn bộ Điều 17	Chỉnh sửa toàn bộ Điều 17 theo hướng ghi nhận nội dung tương tự Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản 6 Điều 41 Dự thảo Điều lệ SHB 2024	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Điều 43 Luật các TCTD 2024 và phù hợp quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản 6 Điều 41 Dự thảo Điều lệ SHB 2024
Điểm a, Điểm b Khoản 9 Điều 21	Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ SHB. Trong trường hợp	Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp: Hội đồng Quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SHB. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, SHB phải bầu bổ sung, bảo đảm	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 50 Luật các TCTD 2024 và quy định tại Khoản 2 Điều 50 Dự thảo Điều lệ SHB 2024

Khoản, Điều	Quy chế đã được ban hành kèm theo Quyết định số 84/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
	này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng theo Quy định tại Điều lệ và các quy định có liên quan của SHB...	số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 166 của Luật Các TCTD	
Khoản 1 Điều 26	Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị số 111/QĐ-HĐQT ngày 7/5/2021	Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024 và thay thế cho Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị số 84/QĐ-HĐQT ngày 04/05/2022	Chỉnh sửa để phù hợp quy định tại Điều 210 Luật các TCTD 2024 và phù hợp thực tế.
Điều 26	Không có nội dung này	Bổ sung quy định về điều khoản chuyển tiếp ghi nhận tương tự nội dung tại Khoản 2 Điều 89 Dự thảo Điều lệ SHB 2024	Bổ sung để phù hợp quy định tại Khoản 8 Điều 210 Luật Các TCTD và Khoản 2 Điều 89 Dự thảo Điều lệ SHB 2024.

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI QUY CHẾ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT SHB
(Kèm theo Tờ trình số 04 / TT-HĐQT của Hội đồng Quản trị SHB ngày 29 tháng 03 năm 2024)

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
1	Toàn bộ dự thảo: Các nội dung tại header, footnote	Các nội dung tại header, footnote được thay đổi, cập nhật theo các Điều, Khoản, Văn bản mới ban hành sau này đã thay thế các văn bản cũ	Cho phù hợp với các văn bản mới ban hành như Luật các TCTD năm 2024, Điều lệ SHB v.v...
2	Khoản 1 Điều 2: Các từ viết tắt: Có đưa ra một số từ viết tắt để áp dụng trong toàn bộ văn bản	Khoản 1 Điều 2: Các từ viết tắt: Được áp dụng theo Phụ lục IX Quyết định/2024/QĐ-HĐQT ngày .../.../2024 về Quy chế soạn thảo và ban hành văn bản tại SHB Sau này chỉ bổ sung thêm những từ viết tắt nào mà trong Phụ lục IX QĐ soạn thảo và ban hành VB chưa có nhưng trong Quy chế này có phát sinh	Để bảo đảm tuân thủ quy định tại QĐ soạn thảo và ban hành VB và để cho văn bản được ngắn gọn
3	Khoản 2 Điều 2: Giải thích từ ngữ	Khoản 2 Điều 2: - Thay đổi giải thích một số từ ngữ tại Điểm a, b, d, i, j, k, o cho thống nhất với phần giải thích từ ngữ tại Điều lệ SHB. - Bỏ giải thích từ ngữ điểm c do văn bản này không còn hiệu lực.	Bảo đảm phù hợp và thống nhất quy định tại Điều 1 Điều lệ SHB
4	Điểm s Khoản 2 Điều 2: s) “Người điều hành” Ngân hàng bao gồm: TGD, người được HĐQT SHB giao phụ trách điều hành, các Phó TGD, Giám đốc Khối tại Trụ sở chính, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các đơn vị thành viên của SHB được HĐQT SHB bổ nhiệm	Điểm r Khoản 2 Điều 2: r) “Ban điều hành” bao gồm TGD hoặc Người được HĐQT giao phụ trách điều hành; các Phó TGD; Giám đốc các Khối hoặc Ban/Trung tâm trực thuộc TGD	Bổ định nghĩa “Người điều hành”, thay bằng “Ban điều hành” để phù hợp với dự thảo
5	Khoản 2 Điều 3: 2. Bảo vệ quyền lợi cho SHB, cho các cổ đông, cũng như cho CBNV của SHB theo đúng quy định của pháp luật.	Bỏ	Bỏ do Luật, Điều lệ SHB không quy định
6	Khoản 3 Điều 3: 3. Đề phòng, phát hiện, ngăn chặn, kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật và hệ thống KSNB của SHB; các hành vi tiêu cực, lạm dụng quyền lực làm tổn hại đến lợi ích của SHB và các cổ đông	Khoản 2 Điều 3: 2. Phát hiện, ngăn chặn, phòng ngừa, kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật và quy định nội bộ của SHB; các hành vi tiêu cực, lạm dụng quyền lực làm tổn hại đến lợi ích của SHB và các cổ đông	Chỉnh sửa câu từ cho gọn và phù hợp nhu cầu thực tế
7	Khoản 1 Điều 4: 1. BKS SHB là cơ quan do ĐHĐCĐ SHB bầu, có trách nhiệm kiểm soát, đánh giá việc chấp hành các quy định nội bộ, các quy định của pháp luật, Điều lệ và việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; thực hiện việc KTNB các hoạt động kinh doanh và các BCTC của SHB.	Khoản 1 Điều 4: 1. BKS SHB là cơ quan do ĐHĐCĐ SHB bầu, có trách nhiệm thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành các quy định nội bộ, các quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.	Chỉnh sửa cho ngắn gọn và phù hợp tên gọi của Điều 4 “Nguyên tắc hoạt động của BKS”
8	Khoản 2 Điều 4: 2. Các thành viên BKS làm việc theo chế độ chuyên trách và kiêm nhiệm. Thành viên BKS chuyên trách là thành viên BKS làm việc thường trực giữa các kỳ họp của BKS và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do BKS phân công. Các thành viên BKS tự phân phối thời gian làm việc hợp lý nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	Khoản 2 Điều 4: 2. Thành viên BKS chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do BKS phân công. Các thành viên BKS tự phân phối thời gian làm việc hợp lý nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	Chỉnh sửa cho ngắn gọn và phù hợp khi Luật TCTD và Điều lệ SHB không đề cập đến việc chuyên trách hay kiêm nhiệm

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
9	<p>Khoản 4 Điều 4:</p> <p>4. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Người được bầu giữ chức Trưởng BKS có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao công việc của BKS từ người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên BKS nhiệm kỳ vừa kết thúc. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và thành viên BKS; người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Trưởng BKS mới được bầu. Trưởng BKS và các thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tiến hành thủ tục bàn giao cho người kế nhiệm được lập thành Biên bản, trong đó phải có các nội dung sau:</p> <p>a) Bàn giao các công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được giao trong BKS.</p> <p>b) Bàn giao các công việc khác được phân công đảm trách theo quy định nội bộ của SHB.</p> <p>c) Bàn giao danh sách nhân sự CBNV giúp việc BKS (nếu có); CBNV Khối KTNB SHB: Áp dụng đối với Trưởng BKS cũ bàn giao cho Trưởng BKS kế nhiệm.</p> <p>d) Các văn bản, hồ sơ, tài liệu, tài sản đang quản lý (nếu có).</p> <p>e) Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong nhiệm kỳ tiến hành thủ tục bàn giao nêu tại các Điểm a, b, d Khoản 5 Điều này cho Trưởng BKS cùng nhiệm kỳ hoặc cho thành viên BKS do Trưởng BKS chỉ định.</p>	<p>Khoản 4 Điều 4:</p> <p>4. Người được bầu giữ chức Trưởng BKS có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao công việc của BKS từ người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên BKS nhiệm kỳ vừa kết thúc. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và thành viên BKS; người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao toàn bộ công việc đang đảm trách và quản lý cho Trưởng BKS mới được bầu. Việc tiến hành thủ tục bàn giao cho người kế nhiệm phải được lập thành Biên bản. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong nhiệm kỳ tiến hành thủ tục bàn giao công việc cho Trưởng BKS cùng nhiệm kỳ hoặc cho thành viên BKS khác do Trưởng BKS chỉ định.</p>	<p>- Sửa để phù hợp Khoản 4, Điều 51 Luật các TCTD và Khoản 4, Điều 57 Điều lệ SHB</p> <p>- Bỏ các nội dung công việc cần bàn giao vì không cần thiết chi tiết trong 1 văn bản là quy chế. Thay vào đó ghi rõ: có trách nhiệm bàn giao toàn bộ công việc đang đảm trách và quản lý</p>
10	<p>Điều 8. Bộ máy giúp việc của BKS</p> <p>1. BKS có bộ phận KTNB, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình. Tổ chức và hoạt động của bộ phận KTNB SHB tuân thủ theo các quy định về KTNB SHB do BKS ban hành trong từng thời kỳ và các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. BKS được sử dụng các nguồn lực của SHB, được thuê các chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Việc thuê các chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của BKS phải được HĐQT chấp nhận.</p>	<p>Khoản 6 Điều 4:</p> <p>6. BKS có bộ phận KTNB, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình. Tổ chức và hoạt động của bộ phận KTNB SHB tuân thủ theo các quy định về KTNB SHB do BKS ban hành trong từng thời kỳ và các quy định của pháp luật có liên quan <i>(Bổ sung Khoản 6 được đưa từ Khoản 1 Điều 8 QC35 lên Điều này cho phù hợp và Bỏ Khoản 2 Điều 8 do đã có quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy chế này)</i></p>	<p>Để cho gọn và tránh trùng lặp, phù hợp với quy định tại Điều 51, 52 Luật Các TCTD</p>
11	<p>Điều 5: Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS</p> <p>1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ SHB trong việc quản trị, điều hành SHB; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Thực hiện chức năng KTNB; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành SHB để thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được giao.</p> <p>3. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao của BKS đối với KTNB bao gồm:</p> <p>a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nội bộ của SHB;</p> <p>b) Giám sát bộ phận KTNB trong việc:</p> <p>i. Thực hiện KTNB;</p> <p>ii. Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của KTNB và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng KTNB (Giám đốc Khối KTNB);</p> <p>iii. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của KTNB theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;</p> <p>c) Các nội dung khác do BKS quy định.</p>	<p>Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của BKS:</p> <p>1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành SHB trong việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ SHB và Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ SHB.</p> <p>2. Ban hành quy định nội bộ của BKS và KTNB; Định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, quy định nội bộ của SHB về kế toán, báo cáo.</p> <p>3. Tổ chức thực hiện KTNB; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành SHB, có quyền sử dụng các nguồn lực của TCTD để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS.</p> <p>4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận KTNB.</p> <p>5. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận KTNB theo quy định của NHNN.</p>	<p>Chính sửa lại cho phù hợp với Điều 52 Luật TCTD</p>

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
12	<p>Điều 5 (Tiếp)</p> <p>4. Ban hành Quy định nội bộ của BKS và Bộ phận KTNB ; định kỳ hằng năm xem xét lại Quy định nội bộ của BKS. Cụ thể:</p> <p>a) BKS ban hành các Quy định nội bộ của BKS như sau:</p> <p>i. Quy chế TCHĐ của BKS trong từng thời kỳ, khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>ii. Quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên BKS SHB; nhằm thực hiện Khoản 1, Điều 67 Thông tư 13/2018/TT-NHNN;</p> <p>iii. Quy trình GS.QLCC của BKS đối với KTNB SHB; nhằm cụ thể hóa Quy định GS.QLCC của BKS đối với KTNB SHB theo Điều 13 Thông tư 13/2018/TT-NHNN;</p> <p>iv. Cơ chế làm việc của BKS, khi ĐHĐCĐ SHB bầu BKS nhiệm kỳ mới hoặc bổ sung/thay thế thành viên BKS trong nhiệm kỳ;</p> <p>v. Các Quy định nội bộ khác của BKS phát sinh trong từng thời kỳ, để cập nhật theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của SHB.</p> <p>b) BKS ban hành các Quy định nội bộ của KTNB như sau:</p> <p>i. Tiêu chuẩn của kiểm toán viên nội bộ theo quy định tại Điều 66; chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nội bộ theo quy định tại Điều 67; cơ cấu tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm của bộ phận KTNB theo quy định tại Điều 68 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.</p> <p>ii. Tiêu chí xác định mức độ rủi ro, mức độ trọng yếu và tần suất thực hiện KTNB của các hoạt động, quy trình, bộ phận quy định tại Khoản 2 Điều 69 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.</p> <p>iii. Quy trình lập, thực hiện kế hoạch KTNB quy định tại Khoản 3 Điều 69 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.</p> <p>iv. Quy định về việc rà soát, đánh giá quy định về KTNB, xử lý kiến nghị về KTNB của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác theo Khoản 4 Điều 69 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của NHNN.</p> <p>v. Quy định về việc thuê chuyên gia, tổ chức bên ngoài để thực hiện KTNB theo Khoản 5 Điều 69 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.</p> <p>vi. Chế độ báo cáo nội bộ về KTNB theo quy định tại Điều 72 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.</p> <p>vii. Quy định về xử lý vi phạm trong hoạt động KTNB tại SHB; nhằm thực hiện Nội quy lao động và các quy định nội bộ khác của SHB;</p> <p>viii. Các Quy định nội bộ khác của KTNB phát sinh trong từng thời kỳ, để cập nhật theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của SHB.</p>	<p>Điều 5 (Tiếp):</p> <p>6. Chỉ đạo, điều hành bộ phận KTNB thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ trong đó bao gồm hệ thống nhận dạng và quản lý rủi ro; phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin BCTC và thông tin quản lý; các quy trình, quy định nội bộ của SHB.</p> <p>7. Định kỳ thông báo HĐQT, TGD về hệ thống kiểm soát nội bộ; đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.</p> <p>8. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định BCTC 06 tháng đầu năm và hằng năm của SHB; báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định BCTC; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.</p> <p>9. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của SHB thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho ĐHĐCĐ, HĐQT.</p> <p>10. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của SHB.</p>	<p>Chỉnh sửa lại cho phù hợp với Điều 52 Luật TCTD</p>

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
13	<p>Điều 5 (tiếp):</p> <p>5. Ban hành Kế hoạch KTNB hằng năm của SHB và Kế hoạch KTNB điều chỉnh (nếu có) theo đề nghị của Giám đốc Khối KTNB sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT và TGD SHB</p> <p>6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận KTNB.</p> <p>7. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận KTNB theo quy định của NHNN.</p> <p>8. BKS chỉ đạo bộ phận KTNB hằng năm thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống KSNB (bao gồm hệ thống nhận dạng và quản lý rủi ro; phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin báo cáo tài chính và thông tin quản lý; các quy trình, quy định nội bộ của SHB) và định kỳ thông báo cho HĐQT, TGD về hệ thống KSNB; đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống KSNB.</p> <p>9. Thẩm định BCTC 06 tháng đầu năm và hằng năm của SHB; bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định BCTC hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ</p>	<p>Điều 5 (tiếp):</p> <p>11. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi xét thấy cần thiết hoặc trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;</p> <p>b) Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. BKS triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của SHB.</p> <p>12. Kịp thời thông báo cho ĐHĐCĐ, HĐQT khi phát hiện người quản lý, người điều hành SHB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của SHB, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</p>	<p>Chỉnh sửa lại cho phù hợp với Điều 52 Luật TCTD</p>
14	<p>Điều 5 (tiếp):</p> <p>10. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại Khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của SHB.</p> <p>11. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ SHB của thành viên HĐQT, TGD, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>12. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD của SHB; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</p> <p>13. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường theo quy định tại Điều lệ SHB.</p>	<p>13. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD của SHB, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</p> <p>14. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>15. Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>16. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 10, 12 và 15 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật này.</p> <p>17. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của SHB.</p>	<p>Chỉnh sửa lại cho phù hợp với Điều 52 Luật TCTD</p>

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
15	<p>Điều 5 (tiếp):</p> <p>14. Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Điều lệ SHB hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của SHB .</p> <p>15. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của SHB .</p> <p>16. Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, Kiểm toán nhà nước, Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>17. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn nhiệm kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết .</p> <p>18. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định pháp luật có liên quan.</p>	<p>Điều 5 (tiếp):</p> <p>18. Định kỳ hàng năm, BKS phải chỉ đạo bộ phận KTNB thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho HĐQT, TGD về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.</p> <p>19. Ban hành chính sách KTNB; ban hành và điều chỉnh kế hoạch KTNB trên cơ sở thảo luận với TGD và thống nhất với Chủ tịch HĐQT.</p> <p>20. Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, Kiểm toán nhà nước, NHNN.</p> <p>21. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập.</p> <p>22. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định pháp luật có liên quan.</p>	Chỉnh sửa lại cho phù hợp với Điều 52 Luật TCTD
16	<p>Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của BKS</p> <p>1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:</p> <p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;</p> <p>b) Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;</p> <p>c) Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do SHB phát hành.</p> <p>2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của SHB lưu giữ tại Trụ sở chính, Chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của SHB trong giờ làm việc.</p> <p>3. HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SHB theo yêu cầu của BKS; phải bảo đảm rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT cũng như các biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên HĐQT.</p>	<p>Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của BKS :</p> <p>Các thông tin, tài liệu cung cấp cho BKS sau đây phải bảo đảm đầy đủ, chính xác và kịp thời vào cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên HĐQT hoặc ngay sau khi được BKS yêu cầu.</p> <p>(i) Các tài liệu sau cần phải được gửi đến thành viên BKS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo; - Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT; - Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do SHB phát hành. - Các tài liệu khác liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SHB theo yêu cầu của BKS (nếu có). <p>(ii) Có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và CBNV của SHB trong giờ làm việc để phỏng vấn, tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến sổ sách kế toán, sổ đăng ký cổ đông, danh sách cổ đông, hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của SHB lưu giữ tại TSC, ĐVKD và các địa điểm khác vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	Sửa lại câu từ, sắp xếp lại câu trúc cho gọn và phù hợp
17	Điều 7:	<p>Điều 7: Bổ sung thêm Khoản 1:</p> <p>1. BKS có trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ của SHB hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của SHB</p>	Bổ sung cho đầy đủ
18	<p>Điều 8. Bộ máy giúp việc của BKS</p> <p>1. BKS có bộ phận giúp việc là bộ phận KTNB để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Tổ chức và hoạt động của bộ phận KTNB SHB tuân thủ theo các quy định về KTNB SHB do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ và các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. BKS được sử dụng các nguồn lực của SHB, được thuê các chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Việc thuê các chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của BKS phải được HĐQT chấp nhận.</p>	<p>Bỏ Điều này, đưa nội dung Khoản 1 Điều 8 QC35 vào nội dung Khoản 7 Điều 4; bỏ nội dung Khoản 2 Điều 8 QC35 do đã có tại Khoản 3 Điều 5 của QC này</p>	Để cho gọn và tập trung vào cùng 1 mục cho dễ theo dõi và phù hợp với quy định Điều 51, 52 Luật TCTD mới

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
19	<p>Điều 15. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng BKS</p> <p>1. Tổ chức triển khai thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 59 Điều lệ SHB.</p> <p>Điều 5 Quy chế này và theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của BKS trên cơ sở xem xét các vấn đề quan tâm của tất cả thành viên BKS liên quan đến quyền hạn, nhiệm vụ của BKS; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của BKS.</p> <p>3. Thay mặt BKS ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BKS.</p> <p>4. Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường theo quy định tại Khoản 9, Điều 45 Luật Các TCTD năm 2010, Điểm d, Khoản 3, Điều 33 Điều lệ SHB, hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường.</p> <p>5. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.</p> <p>6. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong Biên bản cuộc họp HĐQT, nếu ý kiến của mình khác với các nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ.</p> <p>7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS quy định tại Điều 5 Quy chế này và Điều 59 Điều lệ SHB.</p> <p>8. Bảo đảm các thành viên BKS nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.</p> <p>9. Giám sát, chỉ đạo các thành viên BKS trong việc thực hiện các công việc được phân công và quyền hạn, nhiệm vụ của BKS.</p> <p>10. Thực hiện đánh giá hiệu quả làm việc theo các Báo cáo hằng năm của các thành viên BKS gửi trưởng BKS về việc thực hiện các công việc được phân công và thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên BKS quy định tại Điều 9 Quy chế này.</p> <p>11. Ủy quyền cho một thành viên của BKS thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.</p> <p>12. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của SHB.</p>	<p>Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng BKS.</p> <p>1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của BKS quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quy chế này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện của mình.</p> <p>2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp BKS.</p> <p>3. Thay mặt BKS ký văn bản thuộc thẩm quyền của BKS.</p> <p>4. Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ bất thường quy định tại khoản 11 Điều 52 Luật Các TCTD hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường.</p> <p>5. Tham dự cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết.</p> <p>6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ.</p> <p>7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của BKS và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS.</p> <p>8. Bảo đảm các thành viên BKS nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.</p> <p>9. Giám sát, chỉ đạo thành viên BKS thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của BKS.</p> <p>10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của BKS thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng BKS trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>11. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.</p>	<p>Chuyển vị trí lên Điều 8 (trước Điều 9 Nhiệm vụ, quyền hạn, và trách nhiệm của thành viên BKS). Thay đổi tên gọi cùng như một số nội dung tại các Khoản trong Điều này cho phù hợp với Điều 53 Luật Các TCTD và Điều lệ mới</p>
20	<p>Điều 9. Quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên BKS</p> <p>Khoản 1: Quyền hạn và nhiệm vụ</p> <p>Khoản 2: Nghĩa vụ và trách nhiệm</p>	<p>Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên BKS</p> <p>Khoản 1: Nhiệm vụ và quyền hạn</p> <p>Khoản 2: Trách nhiệm</p>	<p>Thay đổi tên gọi các Khoản trong Điều này cho phù hợp với Luật TCTD và Điều lệ mới</p>

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
21	<p>Khoản 1 Điều 9:</p> <p>1. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên BKS</p> <p>a) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên BKS tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ SHB và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của SHB và cổ đông.</p> <p>b) Bầu một thành viên BKS làm Trưởng BKS. Việc bầu Trưởng BKS lập thành Biên bản và báo cáo HĐQT.</p> <p>c) Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập BKS họp bất thường khi cần thiết, theo quy định tại Khoản 2, Điều 21 Quy chế này.</p> <p>d) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, các BCTC và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p> <p>e) Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của SHB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>f) Báo cáo Trưởng BKS về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.</p> <p>g) Tham dự các cuộc họp của BKS, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc quyền hạn, nhiệm vụ của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</p> <p>h) Các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.</p>	<p>Khoản 1 Điều 9:</p> <p>1. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên BKS</p> <p>a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của SHB, quy định nội bộ của BKS và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng BKS để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của BKS một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SHB và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình..</p> <p>b) Bầu một thành viên BKS làm Trưởng BKS.</p> <p>c) Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập BKS họp bất thường.</p> <p>d) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p> <p>e) Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành SHB.</p> <p>f) Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của SHB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>g) Báo cáo Trưởng BKS về các hoạt động tài chính bất thường của SHB và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.</p> <p>h) Tham dự các cuộc họp của BKS, thảo luận, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</p> <p>i) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.</p>	Thay đổi 1 số nội dung cho phù hợp với Luật TCTD và Điều lệ SHB mới
22	<p>Khoản 2 Điều 9:</p> <p>2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên BKS :</p> <p>a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của SHB và của cổ đông.</p> <p>b) Trung thành với lợi ích SHB; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SHB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SHB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, các nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của SHB.</p> <p>c) Báo đảm lưu trữ hồ sơ của BKS, các tài liệu khác của SHB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của SHB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.</p> <p>d) Am hiểu các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng và xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hiệu quả.</p> <p>e) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SHB về quyền lợi của mình tại các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của SHB và chỉ được tham gia vào các giao dịch đó khi được HĐQT chấp thuận.</p> <p>f) Thành viên BKS không được vay hoặc tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn tại SHB, sử dụng các dịch vụ ngân hàng của SHB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SHB.</p> <p>g) Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ.</p> <p>h) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD (Giám đốc) và người quản lý, người điều hành khác của SHB không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do SHB phát hành (nếu có).</p> <p>i) Thành viên BKS là cổ đông cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên BKS của SHB không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ, trừ các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, Khoản 2, Điều 56 Luật Các TCTD năm 2010 và Khoản 15, Điều 1 Luật Các SDBS Luật Các TCTD</p>	<p>Khoản 2 Điều 9:</p> <p>2. Trách nhiệm của thành viên BKS :</p> <p>a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của SHB và của cổ đông.</p> <p>b) Trung thành với lợi ích SHB; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SHB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SHB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, các nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của SHB.</p> <p>c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SHB về quyền lợi của mình tại các tổ chức khác được quy định cụ thể tại Điều 21 Quy chế này, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của SHB và chỉ được tham gia vào các giao dịch đó khi được HĐQT chấp thuận.</p> <p>d) Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn tại SHB, sử dụng các dịch vụ ngân hàng của SHB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SHB.</p> <p>e) Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại SHB là thành viên BKS của SHB không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.</p>	Bỏ 1 số nội dung không cần thiết do thuộc công việc tất nhiên, thay đổi 1 số nội dung khác cho phù hợp với Điều 54 Luật TCTD và Điều 59 Điều lệ SHB mới

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
23	<p>Khoản 2 Điều 9 (Tiếp):</p> <p>jj) Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường :</p> <p>- Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên BKS vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực và cẩn trọng theo quy định tại Điều 65, Điều 66 Điều lệ SHB và Điểm a, Khoản 2 Điều này sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>- Bồi thường: Ngân hàng sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Ngân hàng) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên BKS hoặc người đó đã và đang làm theo yêu cầu của Ngân hàng với tư cách thành viên BKS. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, nắn nắn và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Ngân hàng, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. SHB có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>Khoản 2 Điều 9 (Tiếp):</p> <p>f) Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo Quyết định của NHNN, thành viên BKS không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây :</p> <p>(i) Thành viên BKS là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;</p> <p>(ii) Thành viên BKS bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;</p> <p>(iii) Thành viên BKS chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt”.</p> <p>g) Thành viên BKS vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực và cẩn trọng theo quy định tại Điều lệ SHB và Điểm a, Khoản 2 Điều này sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>Bổ phần “Bồi thường” do đây là quy định của SHB bồi thường cho TV BKS đã được quy định tại Điều lệ SHB, không phù hợp khi đưa vào Khoản 2 Trách nhiệm của TV BKS</p>
24	<p>Khoản 2 Điều 9 (Tiếp):</p> <p>k) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 25 tháng 6) và hằng năm (trước ngày 25 tháng 12), các thành viên BKS báo cáo Trưởng BKS về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong kỳ báo cáo đã được quy định tại Điều này và trong bản Cơ chế làm việc và phân công nhiệm vụ của BKS SHB từng thời kỳ; báo cáo đột xuất về các hoạt động tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình</p>	Bỏ	Bỏ do Luật các TCTD và Điều lệ SHB không quy định
25	<p>Khoản 1 Điều 10:</p> <p>1. Cơ cấu, số lượng của BKS:</p> <p>a) Các thành viên BKS SHB do ĐHĐCĐ của SHB quyết định về số lượng thành viên BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ SHB, các quy định khác của pháp luật và Điều 16 của Quy chế này.</p> <p>b) BKS của SHB có tối thiểu 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại SHB, tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p> <p>c) Trường hợp số thành viên BKS không đủ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SHB thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên BKS, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên BKS theo quy định.</p>	<p>Khoản 1 Điều 10:</p> <p>1. Cơ cấu, số lượng của BKS:</p> <p>a) BKS của SHB có tối thiểu 05 thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p> <p>b) Số lượng thành viên BKS SHB do ĐHĐCĐ quyết định từng nhiệm kỳ; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên BKS phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của Luật Các TCTD, Điều lệ SHB và Điều 15 Quy chế này.</p> <p>c) Trường hợp BKS có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, SHB phải bầu bổ sung, bổ đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 166 của Luật các TCTD.</p> <p>d) Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số dưới hình thức bỏ phiếu.</p>	Sửa lại cho phù hợp Khoản 6 Điều 51 Luật Các TCTD; Khoản 5 Điều 57 và Điểm d, Khoản 1, Điều 31 Điều lệ SHB.
26	<p>Khoản 2 Điều 10:</p> <p>2. Nhiệm kỳ của BKS:</p> <p>Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên BKS được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.</p>	<p>Khoản 2 Điều 10:</p> <p>2. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Nhiệm kỳ của thành viên BKS được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p>	Sửa lại cho phù hợp Khoản 4, Điều 51 Luật Các TCTD; Khoản 4, Điều 57 Điều lệ SHB

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
27	<p>Khoản 3 Điều 10</p> <p>3. Thành lập BKS đặc biệt :</p> <p>a) Việc thành lập BKS đặc biệt do NHNN xem xét, quyết định theo quy định tại Khoản 1, Điều 145 của Luật Các TCTD năm 2010 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật SĐBS Luật các TCTD.</p> <p>b) Thành phần, số lượng, cơ cấu, cơ chế hoạt động của BKS đặc biệt do NHNN quy định phù hợp với hình thức kiểm soát đặc biệt và thực trạng của SHB.</p> <p>c) Trường hợp BKS của SHB hết nhiệm kỳ mà SHB được kiểm soát đặc biệt chưa bầu, bổ nhiệm BKS nhiệm kỳ mới thì BKS hiện tại tiếp tục thực hiện việc kiểm soát SHB theo quy định của pháp luật</p>	Bỏ	Bỏ do quy định này áp dụng đối với trường hợp TCTD bị kiểm soát đặc biệt
28	<p>Khoản 1 Điều 11:</p> <p>1. Điều kiện làm thành viên BKS :</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 42 Điều lệ SHB;</p> <p>b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 ;</p> <p>c) Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ SHB;</p> <p>d) Có bằng đại học hoặc trên đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e) Không phải là người có liên quan của người quản lý SHB;</p> <p>f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SHB;</p> <p>g) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SHB trong ba (03) năm liền trước đó;</p> <p>h) Không được giữ các chức vụ quản lý của SHB; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của SHB, trừ trường hợp Điều lệ SHB có quy định khác .</p> <p>i) Thành viên BKS chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại TCTD hoặc doanh nghiệp khác và phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm .</p>	<p>Điều 11:</p> <p>1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 42 Luật Các TCTD.</p> <p>2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thông đốc NHNN.</p> <p>3. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.</p> <p>4. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>5. Không phải là người có liên quan của người quản lý SHB.</p> <p>6. Trường BKS phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>7. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SHB.</p> <p>8. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các BCTC của SHB trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>9. Không đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây (trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của TCTD nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt) :</p> <p>a) Người quản lý, người điều hành của SHB, TCTD khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của SHB hoặc công ty con của SHB;</p> <p>b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT của SHB là thành viên HĐQT, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.</p>	Bỏ tên Khoản 1 trong Điều 11 QC35. Điều này chỉ tập trung duy nhất nội dung Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên BKS cho phù hợp quy định tại Điều 42, 43 của Luật TCTD.
29	<p>Khoản 2 Điều 11:</p> <p>2. Những người sau đây không được đảm nhiệm chức vụ là thành viên BKS :</p> <p>a) Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 42 Điều lệ SHB như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang trong thời kỳ chấp hành hình phạt; - Người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên; - Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; - Cán bộ, công chức; người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại SHB; - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại SHB; <p>b) Thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p>	Bỏ để đưa vào nội dung Khoản 1 của Điều 11	Bỏ đưa vào nội dung Khoản 1 của Điều 11 cho phù hợp với Điều 42 Luật Các TCTD

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
30	<p>Khoản 2 Điều 11 (Tiếp)</p> <p>c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, TGD (Giám đốc), thành viên HĐQT, HĐTV, BKS của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;</p> <p>d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;</p> <p>e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng BKS, thành viên BKS, TGD của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ SHB hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>f) Những người có liên quan của thành viên HĐQT, TGD không được là thành viên BKS;</p> <p>g) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</p>	Bỏ đề đưa vào nội dung Khoản 1 của Điều 11	Bỏ đưa vào nội dung Khoản 1 của Điều 11 cho phù hợp với Điều 42 Luật Các TCTD
31	<p>Điều 12. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</p> <p>1. Trưởng BKS không được đồng thời là thành viên BKS, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.</p> <p>2. Thành viên BKS không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a) Thành viên HĐQT, người điều hành, nhân viên SHB hoặc Công ty con của SHB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, TGD của SHB là thành viên HĐQT, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;</p> <p>b) Thành viên HĐQT, thành viên HĐTV, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên BKS của doanh nghiệp đó đang là thành viên HĐQT, người điều hành tại SHB.</p>	Chuyển vào nội dung Khoản 9 của Điều 11	Chuyển vào nội dung Khoản 9 của Điều 11 cho phù hợp với Điều 42, 43 Luật Các TCTD
32	<p>Điều 13. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên BKS</p> <p>1. Thành viên BKS đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</p> <p>b) Vi phạm quy định tại Điều 33 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 1, Điều 42 Điều lệ SHB hoặc Khoản 2, Điều 11 Quy chế này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ là thành viên BKS;</p> <p>c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông góp vốn của SHB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</p> <p>d) Mất tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;</p> <p>f) Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.</p>	<p>Khoản 1 Điều 12. Đương nhiên mất tư cách thành viên BKS</p> <p>1. Thành viên BKS đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau :</p> <p>a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Quy chế này.</p> <p>b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của SHB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.</p> <p>c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.</p> <p>d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>e) Khi SHB bị thu hồi Giấy phép,</p> <p>f) Chết.</p>	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ 12 trước đó. Thay đổi tên gọi các Khoản trong Điều này cho gọn, thay đổi 1 số nội dung cho phù hợp với Điều 45 Luật Các TCTD

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
33	Khoản 2, 3 Điều 13: 2. HĐQT SHB phải có văn bản báo cáo về việc các đối tượng đương nhiên bị mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định được các đối tượng trên bị đương nhiên mất tư cách và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục đề bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật. 3. Sau khi đương nhiên bị mất tư cách, thành viên BKS của SHB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.	Khoản 2,3 Điều 12 2. HĐQT SHB phải có văn bản báo cáo về việc nhân sự đương nhiên bị mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật. 3. Sau khi đương nhiên bị mất tư cách, thành viên BKS SHB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm	Sửa một số câu từ cho phù hợp với Điều 45 Luật các TCTD
34	Điều 14. Trưởng BKS 1. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của SHB. 2. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Hình thức biểu quyết, tỷ lệ số phiếu chấp thuận so với tổng số phiếu biểu quyết do Điều lệ SHB quy định.	Bỏ	Bỏ do điều kiện TBKS tại Khoản 1 đã nằm trong điều kiện TV BKS tại Điều 11. Điều kiện Khoản 2 đã nằm trong Khoản 4 Điều 4
35	Điều 16. Đề cử, ứng cử thành viên BKS 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào BKS. Việc đề cử người vào BKS thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ; b) Căn cứ số lượng thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên BKS. 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ SHB, Quy chế nội bộ về quản trị SHB và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật. 3. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên BKS phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên BKS SHB phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận. SHB thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên BKS trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày được bầu	Điều 13: 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào BKS. Việc đề cử người vào BKS thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ; b) Căn cứ số lượng thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên BKS. 2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ SHB. 3. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên BKS phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên BKS SHB phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận. SHB thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên BKS trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày được bầu, bổ nhiệm.	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35. Thay đổi nội dung Khoản 1, 2 trong Điều này cho phù hợp với Khoản 10, Điều 61 Luật Các TCTD và Khoản 2 Điều 285 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
36	Điều 17. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.	Điều 14. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35.
37	Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	Điều 15. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35. Thay đổi tên Điều cho gọn

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
38	<p>Khoản 1,2 Điều 18:</p> <p>1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm các thành viên BKS SHB trong những trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) và được chấp thuận;</p> <p>c) Không bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 50 Luật Các TCTD năm 2010; Điều lệ SHB và Quy chế này;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của SHB.</p> <p>2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không tham gia các hoạt động của BKS trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ SHB;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.</p>	<p>Khoản 1, Điều 15:</p> <p>1. Ngoài các trường hợp thành viên BKS đương nhiên mất tư cách được quy định tại Điều 45 Luật Các TCTD, ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên BKS SHB trong những trường hợp sau đây:</p> <p>a) Miễn nhiệm khi thành viên BKS có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) và được HĐQT, BKS chấp thuận.</p> <p>b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của BKS trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 11 Quy chế này.</p> <p>d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.</p>	Gộp nội dung Khoản 1, 2 trong QC35 thành 1 Khoản Điều 15 này cho gọn và phù hợp với Điều 46 Luật Các TCTD
39	<p>Khoản 3,4 Điều 18:</p> <p>3. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban và các thành viên BKS SHB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh nêu tại Khoản 1 Điều này, HĐQT SHB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.</p>	<p>Khoản 2,3 Điều 15:</p> <p>2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên BKS SHB vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên BKS theo quy định, HĐQT SHB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.</p>	Sửa câu từ cho phù hợp với Điều 46 Luật Các TCTD, do TBKS cũng là TV BKS
40	<p>Điều 19. Thay thế thành viên BKS</p> <p>1. Thành viên của BKS sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh theo quy định tại các Điều 35, Điều 36 Luật Các TCTD năm 2010; tại các Khoản 3, Khoản 4 Điều 42 Điều lệ SHB và Điều 13, Điều 18 Quy chế này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban và các thành viên BKS được thực hiện theo quy định của NHNN.</p> <p>2. Trường hợp các hành vi, quyết định của BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho SHB thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm một, một số hoặc toàn bộ các thành viên của BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.</p> <p>3. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng BKS bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Điều 35 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 3, Điều 42 Điều lệ SHB và Điều 13 Quy chế này, các thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một thành viên BKS (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng BKS.</p> <p>4. Trưởng BKS muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng BKS, BKS phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng BKS thay thế theo quy định hiện hành.</p> <p>5. Thành viên BKS muốn từ chức phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS để trình ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.</p> <p>6. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên BKS hoặc không đủ số thành viên BKS tối thiểu theo quy định của Điều lệ SHB, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên BKS theo quy định, BKS phải đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên BKS.</p> <p>7. Trong các trường hợp khác, phiên họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên BKS mới để thay thế cho thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.</p>	<p>Điều 16. Thay thế thành viên BKS</p> <p>1. Thành viên của BKS sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 41 Điều lệ SHB và Điều 11, Điều 14 Quy chế này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng BKS và các thành viên BKS được thực hiện theo quy định của NHNN.</p> <p>2. Trường hợp các hành vi, quyết định của BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho SHB thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm một, một số hoặc toàn bộ các thành viên của BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.</p> <p>3. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng BKS bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một thành viên BKS (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng BKS.</p> <p>4. Trưởng BKS muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng BKS, BKS phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng BKS thay thế theo quy định hiện hành.</p> <p>5. Thành viên BKS muốn từ chức phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS để trình ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.</p> <p>6. Trong các trường hợp khác, phiên họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên BKS mới để thay thế cho thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.</p>	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35. Thay đổi nội dung, câu từ trong Điều này cho phù hợp với Điều 61 Điều lệ SHB

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
41	Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35. Nội dung không thay đổi
42	Điều 21. Cuộc họp của BKS	Điều 18. Cuộc họp của BKS	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35. Nội dung không thay đổi
43	Điều 22. Biên bản họp BKS	Điều 19. Biên bản họp BKS	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35. Nội dung không thay đổi
44	Điều 23. Chế độ báo cáo của BKS	Điều 20. Chế độ báo cáo của BKS	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35. Nội dung không thay đổi
45	<p>Khoản 2 Điều 23:</p> <p>2. Trình báo cáo hàng năm tại ĐHĐCĐ</p> <p>Các Báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Báo cáo về kết quả kinh doanh của SHB, về kết quả hoạt động của HĐQT, TGD để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.</p> <p>b) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS.</p> <p>c) Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS.</p> <p>d) Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của SHB.</p> <p>e) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa SHB, Công ty con, Công ty khác do SHB nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) Vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa SHB với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý Công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>f) Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và những người điều hành khác.</p> <p>g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.</p> <p>h) Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC của SHB; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của SHB khi xét thấy cần thiết.</p>	<p>Khoản 2 Điều 20:</p> <p>2. Trình báo cáo hàng năm tại ĐHĐCĐ :</p> <p>Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a) Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ SHB.</p> <p>b) Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS.</p> <p>c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của SHB.</p> <p>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa SHB, Công ty con, Công ty khác do SHB nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) Vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa SHB với Công ty trong đó thành viên HĐQT, TGD là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý Công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>e) Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và những người điều hành khác.</p> <p>f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.</p>	<p>Chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu tại Điều 16 Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>
46	Điều 24. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của thành viên BKS	Điều 21. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS .	Chỉnh sửa cho phù hợp với Điều 63 Điều lệ SHB
47	Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan	Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
48	<p>Điều 25:</p> <p>1. Thành viên BKS phải công khai với SHB các thông tin sau đây :</p> <p>a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ, những người liên quan của họ đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b) Doanh nghiệp mà họ, những người liên quan của họ đang là thành viên HĐQT, HĐQT, BKS, TGD (Giám đốc) bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Việc công khai các lợi ích theo quy định tại Khoản 1 Điều này và việc thay đổi các lợi ích liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc thay đổi lợi ích .</p> <p>3. Việc công khai các lợi ích theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thông báo định kỳ hằng năm cho ĐHĐCĐ của SHB và được niêm yết, lưu giữ tại Trụ sở chính của SHB .</p> <p>4. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên BKS chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của SHB.</p> <p>5. Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa SHB, Công ty con, Công ty khác do SHB nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) Vốn điều lệ với thành viên BKS hoặc với những người có liên quan của thành viên BKS theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, SHB phải thực hiện công bố thông tin về các Nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>6. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>Điều 22:</p> <p>1. Thành viên BKS phải công khai với SHB các thông tin sau đây :</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên HĐQT, thành viên HĐQT, kiểm soát viên, thành viên BKS, TGD (Giám đốc);</p> <p>c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</p> <p>d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>2. Thành viên BKS phải gửi bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. Việc công khai các lợi ích theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thông báo định kỳ hằng năm cho ĐHĐCĐ của SHB và được niêm yết, lưu giữ tại Trụ sở chính của SHB .</p> <p>4. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên BKS chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của SHB và không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>Chính sửa nội dung Điều 22 cho phù hợp với Điều 49 Luật Các TCTD; Điều 66 Điều lệ SHB</p>
49	Điều 26. Mối quan hệ giữa các thành viên BKS	Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên BKS	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35
50	Điều 27. Mối quan hệ với Khối KTNB:	Điều 24. Mối quan hệ với Khối KTNB	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35
51	<p>Khoản 8 Điều 27</p> <p>8. Thực hiện GS.QLCC của BKS đối với KTNB theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và Quy định GS.QLCC của BKS đối với KTNB SHB hiện hành của BKS theo quy định tại Khoản 3, Điều 5 và các Điều, Khoản khác có liên quan tại Quy chế này.</p>	Bỏ	Bỏ do Luật Các TCTD không quy định
52	<p>Khoản 12 Điều 27:</p> <p>12. Giám đốc Khối KTNB làm việc trực tiếp với Chủ tịch HĐQT, TGD về các vấn đề cấp thiết của KTNB và sau đó có báo cáo lại nội dung, kết quả với Trưởng BKS để cùng biết và chỉ đạo</p>	<p>Khoản 11 Điều 24:</p> <p>11. Trong trường hợp Giám đốc Khối KTNB làm việc trực tiếp với Chủ tịch HĐQT, TGD về các vấn đề cấp thiết của KTNB thì sau đó có báo cáo lại nội dung, kết quả với Trưởng BKS để cùng biết và chỉ đạo</p>	Chính sửa câu từ cho phù hợp

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
53	Khoản 14, 15 Điều 27: 14. Định kỳ hằng tháng/quý/6 tháng/năm, Giám đốc Khối KTNB tổ chức thực hiện các báo cáo: Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch KTNB SHB; Báo cáo kết quả giám sát từ xa; Báo cáo kết quả chấn chỉnh sau KTNB; Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán theo từng nghiệp vụ; Báo cáo về KTNB, Báo cáo kết quả tự đánh giá KTNB theo yêu cầu tại Thông tư 13/TT-NHNN; và các báo cáo đột xuất/nội bộ khác theo yêu cầu để gửi BKS và các cấp thẩm quyền khác theo quy định cụ thể (loại báo cáo, kỳ báo cáo, thời gian báo cáo, mẫu biểu báo cáo, nơi nhận báo cáo...) tại Quy chế tổ chức hoạt động của Khối KTNB và Quy trình KTNB. 15. Giám đốc Khối KTNB tổ chức họp toàn thể cán bộ, nhân viên Khối KTNB định kỳ tháng, quý, năm hoặc đột xuất, có mời đại diện lãnh đạo BKS tham dự.	Khoản 14, 15 Điều 24: 14. Giám đốc Khối KTNB tổ chức thực hiện các báo cáo định kỳ và đột xuất khác theo yêu cầu để gửi BKS và các cấp thẩm quyền khác theo quy định cụ thể (tại Quy chế tổ chức hoạt động của Khối KTNB và Quy trình KTNB). 15. Giám đốc Khối KTNB tổ chức họp Khối KTNB định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất, có mời đại diện lãnh đạo BKS tham dự.	- Chính sửa vài câu từ cho gọn và phù hợp nhu cầu thực tế - Bỏ chi tiết các loại báo cáo để ngắn gọn và chủ động khi phát sinh yêu cầu thực tế
54	Điều 28. Mỗi quan hệ với Ban điều hành SHB	Điều 25. Mỗi quan hệ với Ban điều hành SHB	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35
55	Khoản 3 Điều 28: 3. BKS có quyền yêu cầu TGD, Trưởng các Đơn vị tại Trụ sở chính và tại các Chi nhánh, Ngân hàng 100% vốn của SHB ở nước ngoài, Công ty con trực thuộc của SHB cung cấp các thông tin và hỗ trợ nguồn lực, các điều kiện cần thiết khác phù hợp cho hoạt động của BKS và Bộ phận KTNB SHB theo chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm của BKS được quy định trong Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS; Quy định về quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm của Khối KTNB đã được BKS ban hành từng thời kỳ và những quy định nội bộ khác có liên quan của SHB và pháp luật	Khoản 3 Điều 25: 3. BKS có quyền yêu cầu TGD, Trưởng các Đơn vị tại Trụ sở chính và tại các Chi nhánh, Ngân hàng 100% vốn của SHB ở nước ngoài, Công ty con trực thuộc của SHB cung cấp các thông tin và hỗ trợ nguồn lực, các điều kiện cần thiết khác phù hợp cho hoạt động của BKS và Khối KTNB SHB theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của BKS được quy định trong Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và những quy định nội bộ khác có liên quan của SHB và pháp luật	Chính sửa câu từ cho gọn và phù hợp nhu cầu thực tế
56	Điều 29. Mỗi quan hệ với Hội đồng Quản trị	Điều 26. Mỗi quan hệ với Hội đồng Quản trị	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35
57	Khoản 5 Điều 29: 5. BKS lập báo cáo, trình bày báo cáo của BKS tại các cuộc họp với HĐQT (kể cả các cuộc họp hằng quý theo Thông báo mời họp của HĐQT SHB); 6 tháng, năm báo cáo HĐQT về tình hình thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được giao của BKS, kết quả thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng và năm theo quy định tại Điều lệ SHB	Khoản 5 Điều 26: 5. BKS lập và trình bày báo cáo của BKS tại các cuộc họp với HĐQT; định kỳ 6 tháng, năm báo cáo HĐQT về tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của BKS, kết quả thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng và năm theo quy định tại Điều lệ SHB	Chính sửa câu từ cho gọn và phù hợp nhu cầu thực tế
58	Điều 30. Mỗi quan hệ với Đại hội đồng cổ đông:	Điều 26. Mỗi quan hệ với Đại hội đồng cổ đông:	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35
59	Điều 31. Mỗi quan hệ với Ngân hàng Nhà nước:	Điều 28. Mỗi quan hệ với Ngân hàng Nhà nước:	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35
60	Khoản 1, 2 Điều 31: 1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành (sửa đổi, bổ sung) BKS phải gửi Kế hoạch KTNB SHB cho NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng – NHNN); 2. Chậm nhất 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Trưởng BKS và TGD SHB phải gửi Báo cáo KTNB của năm tài chính cho NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng – NHNN).	Khoản 1, 2 Điều 28: 1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, BKS phải gửi Kế hoạch KTNB SHB hằng năm cho NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng – NHNN); 2. Chậm nhất 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Trưởng BKS và TGD SHB phải gửi Báo cáo về KTNB của năm tài chính cho NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng – NHNN)	Chính sửa câu từ cho gọn và phù hợp nhu cầu thực tế
61	Điều 32. Mỗi quan hệ với các cơ quan bên ngoài khác:	Điều 29. Mỗi quan hệ với các cơ quan bên ngoài khác:	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35
62	Điều 33. Tổ chức thực hiện	Điều 30. Tổ chức thực hiện	Đổi số thứ tự của Điều, do bỏ Điều 12, 14 và 15 QC35

STT	Nội dung Quy chế TCHĐ của BKS số 35/2022/QĐ-BKS	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế TCHĐ của BKS lần này	Lý do đề xuất
63	<p>Điều 34. Hiệu lực thi hành:</p> <p>1. Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS SHB bao gồm 07 Chương, 34 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2022.</p> <p>2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do BKS xem xét./.</p>	<p>Điều 31. Hiệu lực thi hành:</p> <p>1. Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS SHB bao gồm 07 Chương, 31 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.</p> <p>2. Đối với việc tiếp tục đảm nhiệm chức vụ, nhiệm kỳ:</p> <p>a) Thành viên BKS được bầu, bổ nhiệm trước ngày 01/7/2024 mà không đáp ứng quy định tại Khoản 1, 6 Điều 41 và Khoản 7 Điều 57 Điều lệ SHB được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</p> <p>b) Đến ngày 01/7/2024, trường hợp BKS SHB có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 57 Điều lệ SHB, BKS SHB được tiếp tục duy trì số lượng thành viên BKS theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 của Luật Các TCTD số 47/2010/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14) cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, thành viên BKS, trừ trường hợp SHB bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.</p> <p>3. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và quy định khác của SHB. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ SHB về cùng một vấn đề thì quy định của Điều lệ SHB được ưu tiên áp dụng. Khi có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của Pháp luật, thì đương nhiên hết hiệu lực thi hành.</p> <p>4. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do BKS xem xét, đề xuất và trình ĐHĐCĐ thông qua./.</p>	<p>Chỉnh sửa số Điều và ngày hiệu lực cho phù hợp thực tế</p> <p>Bổ sung phần Tiếp tục đảm nhiệm chức vụ, nhiệm kỳ cho phù hợp với Khoản 8 Điều 210 Luật các TCTD</p> <p>Bổ sung thêm khoản 3 cho chặt chẽ</p>